

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /MYH25/VHU/QĐ ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

Ngành đào tạo : Xã hội học
Mã số : 7310301
Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Văn Hiến
Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Văn Hiến
Tên văn bằng : Cử nhân Xã hội học
Trình độ đào tạo : Đại học
Hình thức đào tạo : Chính quy
Thời gian đào tạo : 4 năm
Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo sinh viên ngành Xã hội học có phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm đối với xã hội, sức khỏe, kiến thức và năng lực chuyên môn trong lĩnh vực xã hội học để phát triển nghề nghiệp và bản thân trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Kiến thức:** Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn; khoa học chính trị, pháp luật và kiến thức nền tảng của xã hội học để đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phát triển bản thân, làm việc và học tập suốt đời; Có kiến thức lý thuyết, thực tiễn của ngành và chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị tổ chức xã hội; Truyền thông để giải quyết các vấn đề xã hội;

- **Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng ứng xử cần thiết, kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực xã hội học để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thích hợp với vị trí nghề nghiệp.

- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Có kỹ năng mềm, tin học, ngoại ngữ, có khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; có đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, trách nhiệm công dân và tinh thần khởi nghiệp.

- **Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:** Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu (Viện Xã hội học, trung tâm khảo sát dư luận), tổ chức phi chính phủ (UNICEF, Oxfam), doanh nghiệp tư nhân (bộ phận nghiên cứu thị trường), các công ty về truyền thông – báo chí, hoặc giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng.

- **Năng lực ngoại ngữ:** Tiếng Anh bậc 3 (tương đương B1)

- *Năng lực tin học*: Chứng chỉ quốc gia trình độ B

2. Chuẩn đầu ra:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

PLO 1: Áp dụng kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam, kiến thức về kinh tế, xã hội và con người để phân tích và giải quyết những vấn đề trong cuộc sống.

- **PLO 1.1:** Trình bày những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam trong đời sống xã hội;

- **PLO 1.2:** Phân tích những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay;

- **PLO 1.3:** Vận dụng những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam, phương pháp luận triết học – phép biện chứng duy vật vào đời sống thực tiễn xã hội hiện nay.

PLO 2: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, thống kê phù hợp với ngành để phân tích và giải quyết vấn đề, phát triển nghề nghiệp, hoàn thiện bản thân.

- **PLO 2.1:** Trình bày những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, chính trị có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập;

- **PLO 2.2:** Vận dụng những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, chính trị có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học trong quá trình học các học phần chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường;

- **PLO 2.3:** Phân tích các vấn đề xã hội trên cơ sở các yếu tố như tâm lý, lịch sử cá nhân và cộng đồng, gia đình, giáo dục, văn hóa, tôn giáo, kinh tế, chính trị;

- **PLO 2.4:** Đánh giá sự ảnh hưởng của các vấn đề xã hội đến đời sống người dân;

- **PLO 2.5:** Sử dụng các công cụ thống kê xã hội để phân tích các vấn đề xã hội.

PLO 3: Áp dụng các kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về xã hội học vào các công việc hành chính của các đơn vị sự nghiệp đoàn thể.

- **PLO 3.1:** Ứng dụng các kiến thức chuyên ngành xã hội học vào thực tế nghề nghiệp để thực hiện các công việc thường quy như lập kế hoạch, giám sát, lượng giá, báo cáo;

- **PLO 3.2:** Áp dụng các kỹ năng của ngành xã hội học như nhận diện hiện trạng, hiện tượng liên quan đến hành vi cá nhân, nhóm; thực hiện các kế hoạch, dự án phát triển cộng đồng, vận động chính sách;

• **PLO 3.3:** Áp dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học như phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và viết báo cáo, từ đó đưa ra các giải pháp, đề xuất đối với cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hành chính mà mình làm việc;

• **PLO 3.4:** Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ trong cộng đồng, bệnh viện; thực hiện công tác tư vấn, tham vấn, hỗ trợ đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng, bệnh viện;

• **PLO 3.5:** Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ cho các trung tâm bảo trợ xã hội, cộng đồng xã hội; liên kết giữa nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong vận động chính sách cho trung tâm xã hội và cộng đồng xã hội; vận động chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội.

PLO 4: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực xã hội học trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

• **PLO 4.1:** Đánh giá các vấn đề xã hội từ góc độ mối quan hệ xã hội, cấu trúc xã hội, định chế xã hội, thực hành văn hóa, bất bình đẳng xã hội và quá trình xã hội hóa;

• **PLO 4.2:** Phân tích các vấn đề xã hội học chuyên sâu trong các lĩnh vực như đô thị, nông thôn, gia đình, lối sống, giới, tội phạm, phát triển và truyền thông đại chúng;

• **PLO 4.3:** Đề xuất các giải pháp cho các vấn đề xã hội từ yêu cầu thực tế của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ.

PLO 5: Vận dụng kiến thức của lĩnh vực truyền thông đại chúng trong việc tạo ra một sản phẩm truyền thông.

• **PLO 5.1:** Phân tích mô hình hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông và vai trò, nhiệm vụ của các cá nhân trong tổ chức hoạt động đó;

• **PLO 5.2:** Giải thích các khái niệm và học thuyết cơ bản về vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội, chức năng cơ bản của truyền thông báo chí, các nguyên tắc về đạo đức báo chí, truyền thông;

• **PLO 5.3:** Thực hiện việc tạo ra một sản phẩm báo chí và thiết kế ấn phẩm báo chí;

• **PLO 5.4:** Đánh giá hiệu quả tác động của sản phẩm báo chí đối với xã hội khi đăng tải trên các phương tiện truyền thông.

PLO 6: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực quản trị nhân sự và tổ chức xã hội và các lĩnh vực khác trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

• **PLO 6.1:** Liên kết các kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về xã hội học đã học để thực hiện công việc quản trị nhân sự, có năng lực tư duy tổng hợp và phân tích một số vấn đề xã hội, sự kiện xã hội;

• **PLO 6.2:** Vận dụng kiến thức chuyên ngành xã hội học và những quy định hành chính văn phòng trong việc tiếp nhận và tạo lập các loại văn bản hành chính;

• **PLO 6.3:** Tổ chức và điều hành một cuộc họp nhóm lớn, vừa và nhỏ; xử lý xung đột nhóm;

- **PLO 6.4:** Đánh giá xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội, một vấn đề xã hội; có năng lực sáng tạo, phát triển và thích ứng cao với môi trường nghề nghiệp luôn biến đổi;

- **PLO 6.5:** Vận dụng các phương pháp định tính và định lượng để thu thập và xử lý thông tin; trình bày kết quả nghiên cứu một cách khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp để hỗ trợ tốt cho nơi làm việc trong việc tuyển chọn, phân công, điều động, đề xuất các biện pháp bồi dưỡng chuyên môn và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động tại nơi làm việc;

- **PLO 6.6:** Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức dưới góc nhìn liên ngành giữa xã hội học và kinh tế, quản lý, quản trị nguồn nhân lực và lao động;

- **PLO 6.7:** Phân tích nguyên tắc và cách thực hiện quản trị hành chính văn phòng, quản trị doanh nghiệp và nhân sự;

- **PLO 6.8:** Đề xuất những thay đổi trong chính sách, tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức.

2.2. Kỹ năng

PLO 7: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực xã hội học về quản trị tổ chức xã hội và xã hội học truyền thông đại chúng.

- **PLO 7.1:** Viết báo, biên tập và phát hành các sản phẩm báo chí;

- **PLO 7.2:** Lên ý tưởng, viết kịch bản, lên kế hoạch tổ chức một sự kiện;

- **PLO 7.3:** Phân tích, đánh giá, xác định nhu cầu tại các đơn vị hành chính nhà nước, tư vấn chính sách;

- **PLO 7.4:** Xây dựng ý tưởng cho các dự án, huy động nguồn lực, đánh giá dự án xã hội.

PLO 8: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hóa và sử dụng được tiếng Anh.

- **PLO 8.1:** Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản;

- **PLO 8.2:** Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa;

- **PLO 8.3:** Sử dụng tiếng Anh khung trình độ quốc gia B1, giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan;

- **PLO 8.4:** Giao tiếp hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập.

PLO 9: Sử dụng công nghệ hiện đại phục vụ tốt cho công việc.

- **PLO 9.1:** Sử dụng thành thạo tin học văn phòng;

- **PLO 9.2:** Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý dữ liệu định tính và định lượng;

- **PLO 9.3:** Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý trong tổ chức.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- **PLO 10.1:** Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm;

- **PLO 10.2:** Hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian, phối hợp tốt;

• **PLO 10.3:** Ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.

PLO 11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp, khởi nghiệp và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời, tích cực đổi mới bản thân và sáng tạo.

- **PLO 11.1:** Quản lý công việc bản thân và công việc người khác;
- **PLO 11.2:** Tự đổi mới và tinh thần khởi nghiệp;
- **PLO 11.3:** Học hỏi và phát triển bản thân;
- **PLO 11.4:** Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
- **PLO 11.5:** Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp;
- **PLO 11.6:** Có thói quen học tập suốt đời.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:

- Làm việc trong lĩnh vực truyền thông báo chí: Làm phóng viên, biên tập viên tại cơ quan báo chí, Đài phát thanh, truyền hình; nhà xuất bản; các tổ chức chính trị - xã hội - đoàn thể có liên quan đến thông tin, truyền thông.

- Làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý: Điều hành các tổ chức dân sự; Quản trị các dự án đầu tư xã hội; Quản trị nhân sự; Quan hệ khách hàng; Thống kê; Bán hàng và quản lý khách hàng.

- Làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn: Nghiên cứu, tư vấn chính sách phát triển bền vững; Nghiên cứu thị trường; Nghiên cứu và tư vấn truyền thông, quảng cáo; Điều tra dư luận xã hội.

- Làm việc trong lĩnh vực dịch vụ và phục vụ con người: Làm điều phối viên, chuyên viên cho các quỹ phát triển, hoạt động tài trợ của nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức từ thiện; Làm nhân viên công tác xã hội, phát triển cộng đồng.

- Làm việc trong lĩnh vực hành chính công: Làm chuyên viên trong các cơ quan hành chính sự nghiệp (văn hóa, lao động, dân số, giáo dục, y tế, thống kê, dân tộc, dân vận, tuyên giáo), cơ quan Đảng và đoàn thể, cơ quan an ninh và phòng chống tệ nạn xã hội.

- Làm việc trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng; Giảng dạy, tập huấn các khóa ngắn hạn cho các tổ chức, cộng đồng có nhu cầu; Làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực xã hội khác nhau.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp cử nhân Xã hội học, sinh viên có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ Xã hội học hoặc các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước:

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam;
- Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Việt Nam;
- [University of Chicago, United States;](#)
- [The University of Tokyo \(Todai\), Japan;](#)
- [National University of Singapore \(NUS\), Singapore.](#)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 136 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, các điều kiện tốt nghiệp: kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin).

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến.

6. Phương pháp giảng dạy - học tập, cách thức đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

6.1. Các phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình tích cực;

- Nghiên cứu trường hợp;
- Phát vấn;
- Hỏi lại hoặc vấn đáp;
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu;
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân);
- Dạy học theo dự án;
- Giải quyết vấn đề.

6.2. Các phương pháp học tập:

- Phương pháp tự học;
- Phương pháp thuyết trình;
- Làm việc nhóm;
- Bài luận;
- Trải nghiệm thực tế;
- Thực tập;

6.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	Đánh giá bài tập trên lớp	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Bài tập trên elearning	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài lập hỗ trợ trên nền tảng Microsoft Teams của khoa Khoa học xã hội và Nhân văn với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	Đánh giá bài tiểu luận	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.
5	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Kiểm tra trắc nghiệm	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
		gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
7	Kiểm tra tự luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện các câu hỏi liên quan theo nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi
8	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên được yêu cầu thực hiện một khóa luận vận dụng kiến thức và áp dụng vào nghiên cứu một lĩnh vực.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					POL105
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					POL106
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL107
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2					POL109
6	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			9	9	0	0	0	0	
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	3					
2	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
3	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			9	9	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
3	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	3					
I.7. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)			3	3	0	0	0	0	
1	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
2	SOS206	Mỹ học đại cương	3	3					
3	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
4	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			86	64	2	8	0	12	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			30	29	0	1	0	0	
1	SOC305	Nhập môn ngành Xã hội học	2	2					
2	SOC312	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
3	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	1					
4	SOC302	Lịch sử xã hội học	3	3					SOC305
5	SOC303	Lý thuyết xã hội học	3	3					SOC302
6	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3	3					
7	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3	3					
8	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3					
9	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3	3					
10	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2	2					
11	BUS417	Hành vi tổ chức	3	3					
12	SOS305	Quan hệ quốc tế	3	3					
II.2. Kiến thức chuyên ngành			24	20	2	2	0	0	
1	SOC301	Chính sách xã hội	2	2					
2	SOC304	Nhập môn Công tác xã hội	2	2					
3	SOC306	Phát triển cộng đồng	2	2					
4	SOC452	Phương pháp nghiên cứu định lượng	4	3	1				
5	SOC453	Phương pháp nghiên cứu định tính	4	3	1				
6	SOC313	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học xã hội	3	3					
7	SOC457	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	2			2			SOC305
8	SOC429	Xã hội học gia đình	3	3					
9	CẤP MÃ	Xã hội học y tế	2	2					
II.3. Phần chọn theo chuyên ngành			15	15	0	0	0	0	
Chuyên ngành 1: Xã hội học truyền thông - đại chúng			15	15	0	0	0	0	
1	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	2	2					
2	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	2	2					
3	SOC417	Kỹ năng viết báo	3	3					
4	LIT430	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	2	2					
5	LIT435	Nghệ thuật biên tập và xuất bản	3	3					
6	SOC426	Xã hội học báo chí	3	3					
Chuyên ngành 2: Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội			15	15	0	0	0	0	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
1	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2	2					
2	SOC309	Quản lý dự án xã hội	2	2					
3	SOC454	Xã hội học đô thị	3	3					
4	SOC455	Xã hội học nông thôn	3	3					
5	SOC436	Xã hội học quản lý	3	3					
6	SOC456	Xã hội học tổ chức	2	2					
II.4. Kiến thức tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	SOC542	TTTN Xã hội học	5			5			SOC429
2	SOC543	KLTN Xã hội học	12					12	SOC429
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			12	12	0	0	0	0	
1	SOC432	Xã hội học kinh tế	3	3					SOC429
2	SOC438	Xã hội học văn hóa	3	3					SOC429
3	SOC430	Xã hội học giáo dục	3	3					SOC429
4	SOC431	Xã hội học giới	3	3					SOC429
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			3		3				
1		Giáo dục thể chất 1	1		1				
2		Giáo dục thể chất 2	1		1				
3		Giáo dục thể chất 3	1		1				
4		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định hiện hành						
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Năng lực ngoại ngữ	Theo quy định hiện hành						
7		Năng lực tin học	Theo quy định hiện hành						

8. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt):

8.1. Triết học Mác–Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Triết học Mác – Lênin** trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin. Từ đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề nảy sinh hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân. Người học có thể xây dựng ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu, thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Diễn giải các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về thế giới quan và phương pháp luận; các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin đối với khoa học và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay;

- Xác định hiện tượng mê tín dị đoan, hoạt động tín ngưỡng; chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm trong thực tế cuộc sống;

- Áp dụng các quy luật, nguyên lý, phạm trù của phép biện chứng duy vật trong giải quyết công việc, trong cuộc sống và phát triển những mối quan hệ xã hội của bản thân;

- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống khi học học phần triết học Mác – Lênin.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. *Trình bày (hoặc hiểu) được:* những kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; CLO2. *Giải thích được:* những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay; CLO3. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của triết học Mác – Lênin (*chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử*) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của triết học Mác – Lênin (*chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử*) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; CLO4. *Vận dụng* vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, biết nhìn nhận và vận dụng hiệu quả phương pháp luận triết học trong cuộc sống; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm...; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch...; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; làm việc nhóm; tự học, tự nghiên cứu; tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Kinh tế chính trị Mác - Lênin** trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin; về kinh tế hàng hóa, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để hình thành ý thức tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh

chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Diễn giải những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin;
- Xác định những vấn đề có tính quy luật trong học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin;
- Áp dụng những vấn đề có tính quy luật của kinh tế chính trị Mác – Lênin vào thực tiễn hoạt động của bản thân, vào việc bảo vệ quan điểm đúng đắn, phản biện lại những tư tưởng sai trái về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. *Hiểu và nắm được:* đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin và những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin (Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế); CLO2. *Giải thích được:* nguyên nhân ra đời, sự vận động và phát triển của kinh tế và chính trị về: hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế) trong giai đoạn hiện nay; CLO3. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của môn kinh tế chính trị Mác- Lênin biểu hiện ở lĩnh vực kinh tế và chính trị trong đời sống xã hội như: Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế); CLO4. *Thấy rõ được:* đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, có kiến thức căn bản để tự thân vận dụng phát triển kinh tế; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và làm báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Chủ nghĩa xã hội khoa học** trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình chủ nghĩa xã hội (CNXH) như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những đặc điểm cơ bản, những vấn đề về chính trị -

xã hội của CNXH và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ những kiến thức cơ bản đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, khách quan về con đường XHCN mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước.

Mục tiêu học phần:

- Diễn giải các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học;
- Xác định những đặc điểm cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội XHCN;
- Áp dụng các kiến thức cơ bản của CNXH khoa học trong việc giải thích, phân tích một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội;
- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống khi học học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. *Trình bày và nắm được:* những kiến thức cơ bản của môn học như nguồn gốc ra đời và phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CLO2. *Giải thích được:* những nội dung cơ bản trong từng giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CLO3. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của sự ra đời và phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CLO4. *Vận dụng* vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, công việc.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho người học những kiến thức về nguồn gốc và các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác thực tiễn để chủ động giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội theo tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Giải thích các nội dung chính của cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Giải thích tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người;

- Áp dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc sống và trong các mối quan hệ xã hội;

- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề văn hóa, đạo đức theo tư tưởng của Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giúp sinh viên hiểu biết đúng về cuộc đời, quá trình hoạt động cách mạng và quá trình hình thành phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; CLO2. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống, khoa học những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản, về nhà nước, về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về vấn đề văn hóa, đạo đức về xây dựng con người mới ở Việt Nam; CLO3. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin về dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản; về nhà nước; về đoàn kết quốc tế ... nhằm giúp sinh viên có hiểu biết nhất định về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam trong hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam CLO4. Góp phần hình thành, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng và những nền tảng chuẩn mực đạo đức của con người mới Việt Nam, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của TTHCM đối với CMVN; CLO5. Giúp cho sinh viên biết cách tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo phẩm chất đạo đức và tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh, qua đó để họ đóng góp được nhiều nhất cho sự nghiệp mà HCM, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn và kiên trì theo đuổi: độc lập của dân tộc gắn liền với CNXH; CLO6. Giúp sinh viên học được cách tư duy của Hồ Chí Minh, lý luận luôn xuất phát từ thực tế, phù hợp với thực tế; CLO7. Giúp cho sinh viên biết vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thiết thực trong cuộc sống, trong học tập, trong công tác; CLO8. Giúp cho sinh viên có kỹ năng học tập các môn lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng; CLO9. Giúp sinh viên có cơ sở khoa học, chủ động đấu tranh bảo vệ CNMLN, TTHCM, đường lối, quan điểm của ĐCSVN, làm cho TTHCM tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ; CLO10.

Giúp sinh viên có niềm tin và niềm tự hào về lãnh tụ của dân tộc mình, có ý thức tham gia vào công việc chung của lớp, của trường, của đất nước; CL011. Giúp sinh viên thấy được trách nhiệm của bản thân đối với Hồ Chí Minh, đối với dân tộc; CLO12. Giúp sinh viên có ý thức tu dưỡng rèn luyện theo tư tưởng, phẩm chất, đạo đức Hồ Chí Minh.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ Đổi mới. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn cũng như chủ động giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Giải thích các nội dung chính của quá trình hình thành và phát triển tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Giải thích vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong quá trình xây dựng CNXH;

- Áp dụng được những chủ trương của Đảng trong cuộc sống và trong các mối quan hệ xã hội;

- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Trình bày vai trò nhiệm vụ của môn học; CLO2. Xây dựng phương pháp học tập, nghiên cứu; CLO3. Vận dụng phương pháp phân tích vào việc phân tích Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng; CLO4. Đánh giá các sự kiện; CLO5. Vận dụng cải tiến phương pháp trong công tác tuyên truyền đường lối của Đảng; CLO6. Tham gia tích cực vào việc làm của nhóm; CLO7. Xử lý tốt các vấn đề phát sinh trong công tác; CLO8. Có ý thức học tập, tham gia vào công việc của lớp; CLO9. Có tinh thần giúp đỡ mọi người; CLO10. Xây dựng đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.6. Pháp luật đại cương (General Law), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần khái quát về nguồn gốc ra đời nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật; về bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN); về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý giúp người học hiểu rõ tính chất pháp lý, cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm Pháp luật; Giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu ở nước ta hiện nay. Từ đó, người học được tiếp cận nghiên cứu các ngành luật chủ yếu trong hệ thống Pháp luật Việt Nam để có thể tiếp cận các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật gốc. Đại cương về pháp luật quốc tế, gồm những kiến thức chung về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế. Ngoài ra, chương trình học lồng ghép Pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về nguồn gốc ra đời nhà nước, luật pháp;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật, bộ máy nhà nước CHXHCNVN;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về Hệ thống pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, và trách nhiệm pháp lý;
- Trang bị kiến thức về nội dung cơ bản các ngành luật trong hệ thống pháp luật VN;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày thành phần, các chức năng của một hệ thống luật pháp của VN; CLO2. Xây dựng mối quan hệ các ngành luật trong hệ thống pháp luật VN; CLO3. Vận dụng tính chất pháp lý, cấu trúc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; CLO4. Đánh giá hoạt động hệ thống pháp luật Việt Nam; CLO5. Thực hành, trình bày các tình huống phát sinh trong hoạt động pháp luật; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO7. Tư duy phản biện phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận về các chủ đề học tập; CLO8. Xây dựng ý thức chấp hành và tôn trọng pháp luật; CLO9. Hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.7. Tiếng Anh giao tiếp 1 (Communication English 1), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở cấp độ A1 trên nền tảng kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, phát âm) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) qua các chủ đề giao tiếp thường nhật như gia đình, công việc, học tập, thời gian rảnh, lựa chọn bạn đời, thưởng thức tác phẩm nghệ thuật (tranh, ảnh), mối quan hệ giữa các đồng nghiệp, du lịch, kể chuyện ngắn, học từ vựng, khách sạn, nhà hàng, bố mẹ và con cái, thời trang, mua sắm, hoạt động cuối tuần, nhịp sống, phong cách sống, dinh dưỡng, xử lý vấn đề, quan niệm sống bi quan, lạc quan, giải mã giấc mơ,...

Mục tiêu học phần:

- Có kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể giao tiếp tiếng Anh trong các hội thoại hàng ngày và công việc;
- Vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp;
- Có ý thức đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng quản lý hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhận biết và sử dụng được các cấu trúc câu, từ vựng để trao đổi thông tin cá nhân và gia đình, mô tả đồ vật, nơi chốn, sở thích, thể thao, ẩm thực, và tiền tệ; CLO2. Ghi nhớ các quy tắc sử dụng thì và sử dụng được các thì phù hợp cho các tình huống mô tả thói quen, mua sắm, sở thích, và các hoạt động sự kiện; CLO3. Ghi nhớ và áp dụng được một số quy tắc phát âm thông dụng trong tiếng Anh, ví dụ như cách phát âm 's/es' cuối trong danh từ số nhiều, hoặc 'ed' được thêm vào động từ có quy tắc; CLO4. Hiểu và áp dụng được một số quy tắc trong hoạt động giao tiếp và văn hoá ứng xử; CLO5. Hiểu và áp dụng được một số kiến thức chung về đời sống, văn hoá, ẩm thực, thể thao và du lịch; CLO6. Có kỹ năng ứng xử tốt trong các tình huống giao tiếp, chào hỏi và đời sống hàng ngày; CLO7. Hình thành kỹ năng thảo luận và trình bày quan điểm cá nhân; CLO8. Hình thành các kỹ năng phỏng vấn và thu thập thông tin; CLO9. Có khả năng viết và mô tả về bản thân, gia đình, công việc, nơi chốn sở thích, du lịch, thể thao và ẩm thực; CLO10. Tích cực, chủ động trong học tập; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự lập kế hoạch hoạt động, và tự điều chỉnh hành vi trong học tập; CLO11. Có ý thức trách nhiệm với công việc của bản thân; CLO12. Có ý thức trách nhiệm với những người xung quanh và cộng đồng.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi tổng hợp, gồm tự luận và trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.8. Tiếng Anh giao tiếp 2 (Communication English 2), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Tiếng Anh giao tiếp 2 giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở cấp độ A2 và từ A2 trở lên trên nền tảng kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, phát âm) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) qua các chủ đề giao tiếp thường nhật như quan niệm về hạnh phúc, học ngoại ngữ, thư giãn, nghe tư vấn để giải quyết khó khăn, kể chuyện ngắn, xử lý một số tình huống giả tưởng, kiểm soát nỗi sợ hãi, hỏi và chỉ phương hướng, phát minh, thể thao, sự trùng hợp, chuyện lạ có thật, tán ngẫu, ...

Mục tiêu học phần:

- Có kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể giao tiếp tiếng Anh trong các hội thoại hàng ngày và công việc; kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp;

- Nắm và vận dụng kiến thức cần thiết để có thể giao tiếp về các chủ đề khá phức tạp như các cuộc hành trình, hình thức bề ngoài, phim ảnh và nghệ thuật, khoa học, và du lịch;

- Có ý thức đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng quản lý hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả, và có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng, thuyết phục, tinh tế trong một số hoàn cảnh.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhận biết và sử dụng được các cấu trúc câu, từ vựng để trao đổi thông tin cá nhân và gia đình, mô tả đồ vật, nơi chốn, sở thích, thể thao, ẩm thực, và tiền tệ; CLO2. Ghi nhớ các quy tắc sử dụng thì và sử dụng được các thì phù hợp cho các tình huống mô tả thói quen, mua sắm, sở thích, và các hoạt động - sự kiện đã, sẽ và đang xảy ra; CLO3. Ghi nhớ và áp dụng được một số quy tắc phát âm thông dụng trong tiếng Anh, ví dụ như cách phát âm 's/es' cuối trong danh từ số nhiều, hoặc 'ed' được thêm vào động từ có quy tắc; CLO4. Hiểu và áp dụng được một số quy tắc trong hoạt động giao tiếp và văn hoá ứng xử; CLO5. Hiểu và áp dụng được một số kiến thức chung về đời sống, văn hoá, ẩm thực, thể thao và du lịch, khoa học phổ thông vào thực tế; CLO6. Có kỹ năng ứng xử tốt trong các tình huống giao tiếp, chào hỏi và đời sống hằng ngày; CLO7. Hình thành kỹ năng thảo luận và trình bày quan điểm cá nhân; CLO8. Hình thành các kỹ năng phỏng vấn và thu thập thông tin; CLO9. Có khả năng viết và mô tả về bản thân, gia đình, công việc, nơi chốn sở thích, du lịch, thể thao và ẩm thực; CLO10. Tích cực, chủ động trong học tập; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự lập kế hoạch hoạt động, và tự điều chỉnh

hành vi trong học tập; CLO11. Có ý thức trách nhiệm với công việc của bản thân; CLO12. Có ý thức trách nhiệm với những người xung quanh và cộng đồng.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi tổng hợp, gồm tự luận và trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.9. Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông (Introduction to Information and Communication Technology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp khái niệm về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục. Sinh viên sẽ biết cách ứng dụng của CNTT và truyền thông trong học tập: Cài đặt và sử dụng một số hệ điều hành và chương trình ứng dụng; Thực hiện một số giải pháp kỹ thuật để bảo vệ máy tính cá nhân; Thu thập, phân tích, thiết kế mô hình dữ liệu và thao tác với hệ quản trị CSDL; Sử dụng một số phần mềm phục vụ cho quá trình học tập theo ngành nghề; Có khả năng duyệt web, sử dụng thư điện tử, tự trau dồi kiến thức cho quá trình tự học nhờ vào quá trình sử dụng internet; Áp dụng các quy tắc về văn hóa và đạo đức trong CNTT trong quá trình sử dụng các sản phẩm công nghệ thông tin.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục;
- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phần cứng máy tính, các loại phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, an toàn và bảo mật dữ liệu;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về xử lý văn bản, xử lý bảng biểu và trình chiếu;
- Trang bị kiến thức về mạng, internet và các quy tắc về văn hóa và đạo đức trong CNTT trong quá trình sử dụng các sản phẩm công nghệ thông tin;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giải quyết vấn đề dựa trên các kỹ năng định lượng và kiến thức về logic cơ bản, giải tích, thống kê; CLO2. Phân tích các vấn đề trong thực tế dựa trên kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, phương pháp tính toán, kiến thức vật lý; CLO3. Trình bày được các kiến thức trải nghiệm ngành nghề, các

kiến thức cơ bản và phương pháp học tập của chuyên ngành; CLO4. Giải thích được và triển khai các hệ thống máy tính dựa trên kiến thức về máy tính điện tử, biểu diễn và tổ chức dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính; Phát hiện và sửa đổi, giải quyết được các lỗi trong quá trình vận hành; CLO5. Trình bày, giải quyết được các vấn đề công nghệ thông tin dựa trên kiến thức cơ bản về các chuyên ngành máy tính, về phần cứng, phần mềm, virus máy tính, mạng máy tính, phần mềm giả lập, Internet và các chương trình phần mềm tin học văn phòng; CLO6. Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả; CLO7. Sử dụng các ứng dụng CNTT thành thạo; CLO8. Xác định, so sánh các công nghệ mới, các xu thế phát triển trong quá trình học tập; CLO9. Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành; CLO10. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp; CLO11. Thể hiện tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn; CLO12. Có thói quen học tập suốt đời.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, thực hành bài tập, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra..

8.10. Môi trường và con người (Environment and Human), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Môi trường và con người cung cấp cho người học những kiến thức chung về các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên và con người; Mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Các vấn đề môi trường toàn cầu; Chiến lược và các nguyên tắc phát triển bền vững; Thực trạng môi trường và tài nguyên Việt Nam; Các công cụ và chiến lược quản lý môi trường của Việt Nam. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến các Công ước, Luật, Nghị định, Thông tư về quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên của Việt Nam và trên thế giới.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dân số, môi trường và tài nguyên, những kỹ năng đạt được, còn giúp sinh viên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường hướng đến phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững;

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dân số, môi trường và tài nguyên, những kỹ năng đạt được, còn giúp sinh viên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường hướng đến phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững;

- Góp phần phát triển kỹ năng tính toán và phân tích một số chỉ tiêu về môi trường, tài nguyên, dân số; Kỹ năng phân tích, đánh giá ô nhiễm và đề xuất các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên;

- Phát triển kỹ năng đọc hiểu tài liệu và đặc biệt là kỹ năng làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin, chuẩn bị đề cương, thuyết trình chủ đề nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên và con người; CLO2. Phân tích mối quan hệ giữa dân số - tài nguyên và môi trường; CLO3. Giải thích được các hiện tượng, vấn đề môi trường hiện nay; Đánh giá thực trạng môi trường Việt Nam; CLO4. Thực hành tính toán và phân tích một số chỉ tiêu về môi trường, tài nguyên và dân số; CLO5. Vận dụng Kỹ năng đọc hiểu tài liệu, tìm kiếm thông tin hiệu quả; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO7. Vận dụng Kỹ năng thuyết trình hiệu quả; CLO8. Thể hiện ý thức bảo vệ môi trường; CLO9. Hình thành tình yêu thiên nhiên, chung sống hoà hợp với môi trường.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.11. Tinh thần khởi nghiệp (Entrepreneurship), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Tinh thần khởi nghiệp đặt ra cho người học những câu hỏi về thuật ngữ, đặc điểm, đặc trưng và các yếu tố liên quan khác thuộc về môn học như: Tinh thần khởi nghiệp (Entrepreneurship) là gì? Những đặc trưng của một người khởi nghiệp? Những lý do để trở thành người khởi nghiệp? Đây là các quyết định khởi nghiệp và yếu tố nào mang lại sự thành công hoặc thất bại? Nên khởi nghiệp một mình hay lập thành nhóm? Chọn sản phẩm và thị trường như thế nào? Các chiến lược nào dành cho các doanh nghiệp mới thành lập? Bên cạnh đó, người học còn được cung cấp một số kiến thức về marketing, người khởi nghiệp, truyền thông số và kinh doanh trực tuyến, các hình thức doanh nghiệp; cách sáng tạo một kế hoạch kinh doanh, nhu cầu về vốn của người khởi nghiệp, các nguồn tài trợ có thể tiếp cận, quyền sở hữu trí tuệ. Người học còn được tìm hiểu về các nguồn tài sản giá trị của doanh nghiệp, điểm mạnh của doanh nghiệp nhỏ, vai trò của tinh thần khởi nghiệp trong nền kinh tế cũng như tầm quan trọng ở các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu kiến thức tổng quát và cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về sàng lọc, lựa chọn ý tưởng, bước đầu xây dựng bản kế hoạch kinh doanh khả thi để khởi sự kinh doanh thành công;
- Nhận dạng và sàng lọc, lựa chọn được ý tưởng để khởi sự kinh doanh thành công;
- Áp dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc lập kế hoạch kinh doanh;
- Phân tích và xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh khả thi từ ý tưởng muốn khởi sự khởi nghiệp;
- Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật, đạo đức và văn hóa trong kinh doanh.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1.1. Trình bày những kiến thức cơ bản về quá lịch sử hình thành kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin, sản xuất hàng hóa, giá trị thặng dư, chủ nghĩa tư bản độc quyền; CLO1.2. Giải thích những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam, công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam; CLO2.1. Phân tích những vấn đề mang tính quy luật về sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa, các quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa, cơ sở tồn tại và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; CLO2.2. Phân tích sự chuyển biến qua các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản; CLO2.3. Giải thích được cơ sở khách quan của chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ trương công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam; CLO2.4. Xác định những nội dung cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam, quan hệ lợi ích kinh tế và quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam; CLO3.1. Áp dụng những vấn đề về lợi ích kinh tế vào thực tiễn cuộc sống của bản thân; CLO3.2. Áp dụng những quy luật đã học để giải thích những vấn đề diễn ra trong thực tiễn; CLO4.1. Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập khi học tập học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin; CLO4.2. Chịu trách nhiệm về các hành vi kinh tế của bản thân trước pháp luật, biết đấu tranh, bảo vệ lợi ích kinh tế hợp pháp trong công việc sau này.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.12. Quản trị sự thay đổi (Managing change), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần có nội dung gồm 07 chương, từ 4-6 bài tập nhóm (phân tích tình huống), 01 bài thuyết trình nhóm, 01 bài tiểu luận nhóm. Trong mỗi buổi học, giảng viên trình bày nội dung bài giảng bằng slide, sinh viên tham gia thảo luận nhóm. Sau mỗi buổi học, sinh viên làm bài tập nhóm theo các tình huống nghiên cứu do giảng viên yêu cầu. Bài tập nhóm được đánh giá. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về tính cấp thiết của sự thay đổi, lợi ích của sự thay đổi đối với tổ chức, và tác động của nó đến các cá nhân trong tổ chức và lý do tại sao các tổ chức lại tham gia vào các chương trình thay đổi. Cụ thể, các quy mô thay đổi, hướng tới sự thay đổi liên tục, sẵn sàng để thay đổi, thực hiện thay đổi, các yếu tố xã hội và con người, thích nghi với sự thay đổi

Mục tiêu học phần:

- Nắm được kiến thức cơ bản về quản trị sự thay đổi, những vấn đề khái quát quản trị sự thay đổi;

- Nội dung và phương pháp phân tích các nhân tố thúc đẩy và cản trở sự thay đổi;

- Các kỹ thuật hoạch định sự thay đổi. Các nội dung và kỹ năng cần thiết để thực hiện đổi mới tổ chức doanh nghiệp;

- Hiểu được tầm quan trọng và chức năng của quản trị sự thay đổi, phân biệt được khái niệm quản trị sự thay đổi trong các ngành nghề khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hầu hết chúng ta đều không sẵn sàng để thay đổi. Chúng ta dự định làm mọi thứ theo một cách đã quen thuộc; CLO2. Đây chỉ là một vài sự thay đổi và một trong số đó các tổ chức có quyền không tạo ra áp lực vào những dạng thay đổi này. Vấn đề ở đây là sự xung đột do tất cả các thay đổi đó bao trùm lẫn nhau; CLO3. Là kiến thức và năng lực chuyên môn nghề nghiệp, kiến thức học thuật cốt lõi; năng lực liên quan đến ngành Quản trị sự thay đổi; CLO4. Có khả năng hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá các hoạt động thay đổi nhằm đáp ứng tốt xu hướng tiêu dùng, tạo ra vị trí cạnh tranh vượt trội và bền vững cho sản phẩm/dịch vụ; CLO5. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tổ chức sự thay đổi trong DN; CLO6. Nghiên cứu phát triển các giải pháp để thực thi và tổ chức sự thay đổi một cách hiệu quả; CLO7. Làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân đối với các công việc đảm nhận; CLO8. Có năng lực lập kế hoạch điều phối quản lý, đánh giá và cải thiện hiệu quả doanh nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.13. Văn hiến Việt Nam (Vietnamese culture), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 09 chương: cung cấp một hệ thống kiến thức về những giá trị truyền thống của dân tộc như: đạo đức, lối sống, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật... của người Việt Nam thông qua: các khái niệm, nền tảng văn hiến Việt Nam; Những vấn đề về bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống; Tín ngưỡng; Những danh nhân Việt Nam... Từ những giá trị truyền thống tốt đẹp đó, sinh viên cần có thái độ hành vi như thế nào để góp phần giữ gìn, phát huy và tạo nên bản sắc đặc trưng trước ngưỡng cửa của thời đại mới ngày nay.

Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa kiến thức về những giá trị truyền thống của dân tộc như: đạo đức, lối sống, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật.... của người Việt Nam;

- Nắm được các khái niệm, nền tảng văn hiến Việt Nam;

- Nắm được những vấn đề về bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống; Tín ngưỡng; Những danh nhân VN...;

- Có thái độ hành vi để góp phần giữ gìn, phát huy và tạo nên bản sắc đặc trưng trước ngưỡng cửa của thời đại mới ngày nay.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày vai trò và nhiệm vụ của môn văn hiến Việt Nam trong việc giáo dục giới trẻ về kiến thức văn hóa lịch sử Việt Nam, hiểu được những khái niệm về văn hóa văn vật, văn hiến, văn minh, di sản Việt Nam; CLO2. Xây dựng và vận dụng kiến thức qua việc nghiên cứu bản sắc văn hóa vùng miền Việt Nam; CLO3. Vận dụng kiến thức văn hóa, lịch sử, phong tục, lễ nghi, nghệ thuật giao tiếp... ứng dụng trong thực tế cuộc sống người Việt; CLO4. Đánh giá và lựa chọn các kiến thức văn hóa phù hợp trong cuộc sống, công việc; CLO5. Thực hành các tình huống phong tục văn hóa tín ngưỡng, nghệ thuật giao tiếp trong đời sống văn hóa người Việt; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả phân tích kiến thức cụ thể qua các bài học; CLO7. Xử lý các vấn đề, tình huống, áp dụng kiến thức văn hóa trong đời sống, công việc; CLO7. Có ý thức, trách nhiệm, ứng xử văn hóa tốt trong môi trường văn hóa xã hội; CLO8. Hình thành lòng yêu quê hương, đất nước, cá nhân đóng vai trò phát huy và làm giàu văn hóa dân tộc thông qua môn học VHVN.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.14. Các vấn đề xã hội đương đại (Some social issues in recent modern society), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: một số vấn đề về lao động và việc làm, truyền thông trong xã hội hiện đại, giới và bình đẳng giới, tình yêu - hôn nhân - gia đình, bạo lực học đường, vị thành niên phạm tội, giới trẻ và các chất gây nghiện, stress. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: Một số vấn đề về lao động và việc làm, Truyền thông trong xã hội hiện đại, Giới và Bình đẳng giới, Tình yêu - hôn nhân - Gia đình, Bạo lực học đường, Vị thành niên phạm tội, Giới trẻ và các chất gây nghiện, Stress;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay;

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày (hoặc hiểu) được: những kiến thức cơ bản của các vấn đề xã hội đang xảy ra trong đời sống xã hội; CLO2. Giải thích được những nội dung cơ bản của các vấn đề xã hội đang tồn tại trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay; CLO3. Phân tích được: những vấn đề cơ bản của các vấn đề xã hội biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, trong mối tương quan với các vấn đề khác; CLO4. Vận dụng các kiến thức, sự hiểu biết về các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay vào thực tiễn của đời sống xã hội; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.15. Phương pháp học đại học (Methods of University study), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp học tập ở bậc đại học: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài trong lớp, kỹ năng tìm và tham khảo tài liệu, kỹ năng thảo luận và thuyết trình; cách thiết lập mục tiêu học tập, quản lý thời gian khoa học và biết sử dụng bản đồ tư duy trong học tập một cách hiệu quả; những vấn đề cơ bản của nghiên cứu khoa học, cách xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những thay đổi trong môi trường sống, môi trường học tập và chương trình đào tạo ở bậc đại học; Cung cấp cho sinh viên những chiến lược, phương pháp thích ứng với những thay đổi đó; Cung cấp thông tin cập nhật, thông tin ở các lĩnh vực khác nhau; Theo dõi sự việc xảy ra xung quanh, học hỏi thêm nhiều điều trong thực tế; Rèn luyện thêm cho sinh viên khả năng tự tin, khả năng giao tiếp từ những kiến thức học trong nhà trường, kỹ năng sống, kỹ năng mềm.

Mục tiêu học phần:

- Nhận biết được những thay đổi trong môi trường sống, môi trường học tập và chương trình đào tạo ở bậc đại học, giúp cho người học có những phương pháp thích ứng với những thay đổi đó;

- Nắm kiến thức cơ bản về phương pháp học tập ở bậc đại học: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài trong lớp, kỹ năng tìm và tham khảo tài liệu, kỹ năng thảo luận và thuyết trình; cách thiết lập mục tiêu học tập, quản lý thời gian khoa học và biết sử dụng bản đồ tư duy trong học tập một cách hiệu quả;

- Nắm kiến thức về thuyết trình, gửi thư điện tử, soạn thảo PowerPoint, sơ đồ tư duy, thực hiện một dự án, chương trình, đề cương nghiên cứu khoa học. Những vấn

đề cơ bản của nghiên cứu khoa học, xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận;

- Rèn luyện sự tự tin, khả năng giao tiếp từ những kiến thức học trong nhà trường, kỹ năng sống, kỹ năng mềm;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giải thích được sự khác biệt trong môi trường sống, môi trường học tập, các phương pháp học tập và giảng dạy giữa cấp học Phổ thông và Đại học; CLO2. Thực hiện tìm kiếm tài liệu tham khảo qua các ứng dụng công nghệ thông tin, soạn thảo và gửi thư điện tử, hoàn thành một video clip, file power point, bài thuyết trình, đề cương nghiên cứu khoa học; CLO3. Thiết lập mục tiêu học tập và quản lý thời gian hiệu quả; CLO4. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO5. Thành thạo các kỹ năng đọc sách, kỹ năng nghe, kỹ năng ghi chú; CLO6. Thành thạo kỹ năng thuyết trình; CLO7. Thành thạo kỹ năng tìm kiếm tài liệu, soạn và gửi thư điện tử, làm video clip, power point; CLO8. Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, ân cần, sẵn sàng phục vụ khách và giúp đỡ đồng nghiệp; CLO9. Hình thành lòng yêu nghề, lấy khách hàng là trung tâm.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.16. Kỹ năng sử dụng tiếng Việt (Vietnamese using skill), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần giới thiệu khái quát về đặc điểm của âm, chữ viết và văn bản của người Việt; Hướng dẫn rèn luyện kỹ năng kiểm tra, phát hiện và chỉnh sửa lỗi sử dụng tiếng Việt trên văn bản và trong giao tiếp lời nói; Hướng dẫn cập nhật quy định và yêu cầu cơ bản về chữ viết, ngôn ngữ, thể thức soạn thảo hiện hành của văn bản khoa học, văn bản hành chính và văn bản báo chí. Rèn luyện kỹ năng soạn thảo hoàn thiện một số mẫu văn bản thông thường ứng dụng trong học tập, làm việc.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức đại cương về tiếng Việt trong nói và viết nhằm nâng cao khả năng nắm bắt và sử dụng chuẩn xác tiếng Việt. Hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng đúng chuẩn ngôn ngữ và phong cách tiếng Việt cũng như các kỹ năng, thao tác thiết yếu về văn bản;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, phán đoán và cách thức trình bày văn bản ở các dạng thức nâng cao;

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày (hoặc hiểu) được những kiến thức cơ bản (đại cương) về tiếng Việt trong giao tiếp nói và viết; CLO2. Giải thích được những nội dung cơ bản của tiếng Việt, các dạng thức văn bản tiếng Việt, các vấn đề về phương ngữ và sử dụng tiếng Việt hiện nay trên các phương diện; CLO3. Phân tích được những vấn đề cơ bản trong sử dụng tiếng Việt hiện nay; CLO4. Vận dụng các kiến thức, sự hiểu biết về tiếng Việt để thực hành giao tiếp ở các lĩnh vực trong khoa học và đời sống; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9: Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.17. Tâm lý học đại cương (General psychology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý, những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí và hiểu được bản chất nhân cách của con người; Giới thiệu một số tình huống tâm lý biểu hiện trong đời sống con người...

Mục tiêu học phần:

- Giúp người học hiểu biết bản chất, các hiện tượng tâm lý người;
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào đời sống và hoạt động nghề nghiệp;
- Có kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch của cá nhân, tự học, chủ động.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhận ra tầm quan trọng của tâm lý, chức năng và một số phương pháp tâm lý để ứng dụng trong học tập, cuộc sống và công việc. Hiểu biết về quá trình nhận thức, ý thức, ý chí, tình cảm và nhân cách để từ đó sinh viên hiểu về bản thân và người khác; CLO2. Nhận biết, hiểu và lý giải được bản chất và các biểu hiện phong phú, đa dạng của các hiện tượng tâm lý người trong cuộc sống; CLO3. Nhận diện, đánh giá tâm lý bản thân và người khác một cách khoa học; CLO4. Sinh viên biết lựa chọn và sử dụng những hiểu biết về tâm lý của bản thân cũng như người khác để có thể thích ứng và hòa nhập với môi trường sống để học tập, làm việc. Đồng thời sinh viên cũng có thể sử dụng những hiểu biết về tâm lý để giao tiếp và chung sống tốt với những người xung quanh; CLO5. Áp dụng tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện bản thân, vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học để có thể vận dụng trong ứng xử, trong quá trình học tập, giải quyết công việc với người khác; CLO6. Có kỹ năng làm việc nhóm; CLO7. Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi tự luận, dự lớp, kiểm tra. việc nhóm, lập kế hoạch của cá nhân, tự học, chủ động, sáng tạo.

8.18. Giao tiếp đa văn hóa (Cross-cultural communication), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 09 chương, trình bày các kiến thức: Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, các cách thức vượt qua sự khác biệt văn hóa, văn hóa và giao tiếp, tác động của văn hóa lên tiến trình giao tiếp, tầm quan trọng của việc học hỏi văn hóa, sốc văn hóa, các giá trị văn hóa đối lập nhau, các giá trị văn hóa đối lập nhau, giao tiếp phi ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa Việt Nam, điều nên làm và không nên làm trong văn hóa Việt Nam dưới cái nhìn của người nước ngoài, tìm hiểu văn hóa Việt Nam trong kinh doanh, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Pháp... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như giải quyết vấn đề, xử lý tình huống và kỹ năng làm việc nhóm...

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication)- đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan - và kinh doanh quốc tế (international business);

- Giảng viên có thể cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử lý tình huống khi gặp phải trong thực tế trong môi trường làm việc đa văn hóa (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề...). Trải nghiệm bản thân trong cuộc sống (công tác xã hội, làm thêm...). Bên cạnh đó, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa để làm hành trang bước vào cuộc sống làm việc năng động hiện đại sau khi tốt nghiệp ra trường.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày được vai trò và nhiệm vụ của giao tiếp đa văn hóa trong môi trường làm việc đa quốc gia; CLO2. Xây dựng và vận dụng các quy trình làm việc trong môi trường đa quốc gia; CLO3. Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, giao tiếp phi ngôn ngữ, nguyên tắc làm việc nhóm đa văn hóa, kiến thức phong tục, lễ nghi một số nước phương Tây, Đông,... trong môi trường làm việc đa văn hóa; CLO4. Đánh giá và lựa chọn các biện pháp nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc tại môi trường đa văn hóa; CLO5. Thực hành các tình huống giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, từ vựng nước ngoài...; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả. CLO7. Xử lý các vấn đề, tình huống trong làm việc môi trường đa văn hóa; CLO8. Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, văn hóa, làm việc hết mình và hòa nhập giúp đỡ đồng nghiệp trong môi trường đa dạng; CLO9. Hình thành lòng yêu nghề yêu môi trường làm việc đa quốc gia, lấy nơi làm việc và khách hàng là trung tâm.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.19. Kỹ năng hành chính văn phòng (Office administrative skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp và khả năng vận dụng thực tế khi cần thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin cần thiết cho cơ quan và người lãnh đạo; soạn thảo văn bản đúng yêu cầu; quản lý tốt văn bản, hồ sơ, tài liệu; tham mưu đúng chức trách và hiệu quả; sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng; biết cách giao tiếp, ứng xử và điều hòa các mối quan hệ ở cơ quan; biết tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách hiệu quả...

Mục tiêu học phần:

- Hiểu kiến thức tổng quát và các quy trình, quy định văn bản của Việt Nam trong công tác văn phòng;
- Có khả năng thiết kế, tổ chức các sự kiện (họp, công tác, tiếp khách);
- Có khả năng xử lý nghiệp vụ văn phòng (xử lý công văn đến và đi, thu thập và xử lý thông tin, giao tiếp qua điện thoại, soạn thảo văn bản cứng, soạn thảo văn bản điện tử, lưu trữ và bảo quản tài liệu, sao chép văn bản cứng) trong các cơ quan hành chính công và trong doanh nghiệp;
- Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật, hành vi chống sao chép, đạo văn.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Xây dựng các quy trình; CLO2. Thiết kế văn phòng phù hợp với doanh nghiệp; CLO3. Xây dựng được các mẫu kế hoạch tổ chức; CLO4. Thực hiện các ứng dụng kỹ thuật nghiệp vụ; CLO6. Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện; CLO7. Sử dụng CNTT trong quản lý; CLO8. Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý và kinh doanh; CLO9. Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ tác nghiệp; CLO10. Giữ gìn và cam kết đạo đức nghề nghiệp; CLO11. Đề ra mục tiêu cụ thể cho việc phát triển sự nghiệp; CLO12. Tích cực trau dồi nâng cao kiến thức, đổi mới bản thân.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.20. Mỹ học đại cương (General Esthetics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại và tương đối toàn diện về mỹ học như quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài, nghệ thuật và những vấn đề về giáo dục thẩm mỹ. Học phần cũng góp phần rèn luyện kỹ năng vận dụng những khái niệm cơ bản của mỹ học vào việc cảm thụ, đánh giá cái thẩm mỹ và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân người học.

Mục tiêu học phần: Hiểu biết cơ bản các quy luật hình thành và các yếu tố cấu thành những giá trị thẩm mỹ trong xã hội và trong nghệ thuật. Hiểu và đánh giá được những đặc trưng, bản chất của quan hệ thẩm mỹ, các phạm trù thẩm mỹ. Vận dụng sáng tạo vào phân tích đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Hiểu và đánh giá được quá trình phát triển của tư tưởng thẩm mỹ; CLO2: Hiểu và đánh giá được các quan niệm về cái đẹp; CLO3: Hiểu được các đặc trưng của quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ...; CLO4: Vận dụng được các vấn đề đã học vào đánh giá những hiện tượng thẩm mỹ trong xã hội, trong nghệ thuật; CLO5: Áp dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu; CLO6: Tiếp cận linh hoạt các giá trị thẩm mỹ, tự tin trình bày và bảo vệ các quan niệm thẩm mỹ; CLO7: Thể hiện vai trò chủ động trong sáng tạo, đánh giá nghệ thuật cũng như trách nhiệm công dân trước các chuẩn mực đạo đức xã hội.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tự luận, dự lớp, kiểm tra

8.21. Thống kê ứng dụng (App statistics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 08 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về thống kê học, nhằm giúp người học hiểu về kiến thức thống kê áp dụng vào thực tiễn. Người học được giới thiệu cơ bản về các phương pháp thống kê căn bản trong thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở cho việc ra quyết định trong quản lý, Các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu: Lập bảng phân phối tần số, vẽ đồ thị tần số, tần suất, tần số tương đối tích lũy; xác định giá trị đo lường độ tập trung: Mode, Median, Mean; tìm các giá trị đo lường độ phân tán: Standard deviation (độ lệch chuẩn), Coefficient of variation (hệ số biến thiên); ước lượng: trung bình tổng thể, tỉ lệ tổng thể; kiểm định: trung bình tổng thể, tỉ lệ tổng thể, phương sai. Ngoài ra, học phần giới thiệu phần mềm SPSS để hỗ trợ cho người học tham gia NCKH và hỗ trợ công tác thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về thực hành thống kê để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, quan sát thực nghiệm, làm cơ sở cho dự đoán các

mức độ của hiện tượng trong tương lai và là điều kiện tiên quyết cho các học phần kinh tế - xã hội khác.

- Người học sẽ thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập, trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị, tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng số. Qua việc ước lượng các tham số tổng thể, kiểm định giả thuyết về tham số tổng thể, phương pháp chỉ số và dự báo trên chuỗi thời gian; người học có thể áp dụng vào việc phân tích định lượng các vấn đề về kinh tế - xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Áp dụng kiến thức thống kê về việc khảo sát và nghiên cứu thị trường về lĩnh vực kinh doanh; CLO2. Phân tích và đưa ra các dự báo về mức độ của các hiện tượng liên quan đến ngành nghề; CLO3. Thực hiện các ứng dụng kỹ thuật nghiệp vụ về thống kê trong kinh doanh một cách thành thạo; CLO4. Vận dụng tư duy phản biện vào việc phân tích định lượng các vấn đề về kinh tế - xã hội.; CLO5. Áp dụng hợp lý các phương pháp điều tra khảo sát, nghiên cứu để lưu trữ truy xuất dữ liệu về quản lý và kinh doanh; CLO6. Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tự học, tự đánh giá điều chỉnh học tập.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, thảo luận nhóm, nghiên cứu các trường hợp thực tế trong quá trình thực hành trên phần mềm SPSS, hỏi/trả lời câu hỏi ngắn trong giảng dạy.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra đánh giá: thi tự luận cá nhân, dự lớp, kiểm tra.

8.22. Nhập môn ngành Xã hội học (Introduction to Sociology), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về Xã hội học như quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của Xã hội học; Cơ cấu Xã hội học; Cá nhân và xã hội, quá trình Xã hội hóa; Những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản ; Các khái niệm cơ bản của Xã hội học; Giới thiệu tổng quát về hai chuyên ngành sâu của Xã hội học đó là Xã hội học về truyền thông báo chí và Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học;
- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;
- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO2. Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.23. Trải nghiệm ngành nghề (Professional Field Experience), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên trải nghiệm kiến thức thực tế đến các doanh nghiệp có tuyển dụng nhân lực Xã hội học sau khi tốt nghiệp. Sinh viên biết được mô hình hoạt động của tổ chức, các năng lực và kỹ năng sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp để có thể đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học;
- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;
- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Báo cáo thu hoạch

8.24. Báo cáo chuyên đề thực tiễn (Practical Thematic Report), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nền tảng ứng dụng kiến thức về quản trị nhân sự và tổ chức xã hội, truyền thông báo chí trong các hoạt động nghề nghiệp cụ thể, vận dụng các kiến thức chuyên sâu để giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề, kỹ năng làm báo cáo.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các chính sách kinh tế chính trị xã hội hiện hành của nhà nước;
- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ của tổ chức quản lý xã hội cụ thể;

- Biết được cách thức điều hành, phân công, giám sát và thực hiện nhiệm vụ cụ thể;

- Vận dụng kiến thức đã học vào việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trong quản lý hành chính và trong từng tổ chức kinh tế văn hóa xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO5. Có kiến thức điều hành, phân công và hỗ trợ trong quá trình làm việc với các nhóm cụ thể.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Báo cáo chuyên đề

8.25. Thực tập nghề nghiệp Xã hội học (Sociology Internship), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần nhằm mục đích hoàn thiện những kiến thức lý thuyết, là bước chuyển tiếp giữa thế giới học đường và môi trường làm việc thực sự, là cơ hội để sinh viên tiếp cận với thực tế và thực hành những gì mình đã học, qua việc được giao phụ trách một số nhiệm vụ, công việc nào đó của một nhân viên thực sự nơi thực tập, đồng thời tạo được những quan hệ mới, biết cách làm việc trong một tập thể đa dạng. Trong đó, yếu tố “quan hệ giữa con người với con người” luôn luôn được trân trọng. Sinh viên tham gia trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp thuộc các trung tâm bảo trợ xã hội, đơn vị hành chính công, trung tâm, viện nghiên cứu, phòng hành chính nhân sự, tổ chức của các doanh nghiệp, các tòa soạn báo chí.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học;

- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO4. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Báo cáo thu hoạch

8.26. Lịch sử xã hội học (History of Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên những tư tưởng xã hội tiêu biểu từ thời kỳ cổ đại đến nửa đầu thế kỷ XIX; Các nhà sáng lập xã hội học; Các trường phái, các học thuyết xã hội học và các quan niệm khác nhau về xã hội học; Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học Việt Nam.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học;
- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;
- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO2. Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí và quản trị tổ chức xã hội.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tự luận

8.27. Lý thuyết xã hội học (Sociology Theory), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những quan điểm, nội dung chủ yếu của lý thuyết xã hội học từ đầu thế kỷ XX (chủ yếu từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất) đến nay. Với các vấn đề chủ yếu: quá trình hình thành, mức độ phát triển, mức độ phổ biến, việc sử dụng và xu hướng biến đổi của chúng cũng như mối liên hệ của chúng với lý thuyết xã hội học kinh điển, biết cách vận dụng lý thuyết xã hội học vào thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học;
- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;
- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO2. Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí và quản trị tổ chức xã hội.

giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tự luận.

8.28. Chính sách xã hội (Social Policy), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về chính sách xã hội, quá trình hình thành của chính sách xã hội gắn liền với quá trình phát triển của xã hội. Qua học phần này, sinh viên sẽ nhận thức được vai trò, vị trí, chức năng của chính sách xã hội, quan hệ giữa chính sách xã hội và cơ cấu xã hội, giữa chính sách xã hội và phân tầng xã hội, giữa chính sách xã hội và biến đổi xã hội, giữa chính sách xã hội với công tác xã hội và các ngành khác trong quá trình giải quyết vấn đề xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học và CTXH, cụ thể là các kiến thức về chính sách xã hội.

- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học/CTXH, và cơ sở lý luận nhìn nhận chính sách xã hội là một khoa học, có quan hệ hữu cơ, chặt chẽ liên quan đến các vấn đề xã hội nhằm nghiên cứu, giải quyết, thực thi và thúc đẩy xã hội phát triển.

- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải và phân tích chính sách và liên hệ thực tiễn với chính sách xã hội để hoạch định và thực hiện tốt các chính sách xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội, phát triển xã hội bền vững.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO2. Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí và quản trị tổ chức xã hội.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.29. Nhập môn công tác xã hội (Introduction to Social Work), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về ngành công tác xã hội, cung cấp kiến thức về các biện pháp để sinh viên biết cách áp dụng nhằm giải quyết các vấn đề trong mối quan hệ con người và môi trường xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học và CTXH;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học/CTXH;
- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;
- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO4. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.30. Phát triển cộng đồng (Community Development), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho người học nắm được một số khái niệm liên quan Phát triển cộng đồng (PTCD), các nguyên tắc và giá trị, vai trò tác viên, các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng, tiến trình tổ chức cộng đồng, một số kỹ thuật cần thiết trong phân tích cộng đồng. Người học cũng sẽ được giới thiệu về tiến trình lập kế hoạch hành động cộng đồng theo phương pháp.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của ngành Xã hội học;
- Hiểu được kiến thức cơ bản của các lý thuyết nền tảng trong ngành học Xã hội học;
- Vận dụng được các kiến thức trên để lý giải các vấn đề xã hội cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;
- Vận dụng được các kiến thức trên trong việc lý giải hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO5. Có kiến thức điều hành, phân công và hỗ trợ trong quá trình làm việc với các nhóm cụ thể.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm;

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.31. Phương pháp nghiên cứu định lượng (Quantitative Research Methods), 4 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần sẽ giới thiệu vai trò, chức năng cơ bản của phương pháp nghiên cứu xã hội học; Phương pháp nghiên cứu của khoa học xã hội, phương pháp thu thập thông tin; Quy trình của một cuộc nghiên cứu; Cách thức tiến hành một cuộc nghiên cứu xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu các phương pháp nghiên cứu xã hội học;
- Hiểu các kỹ thuật thu thập và xử lý dữ liệu;
- Có kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu Xã hội học.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO3: Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học để giải quyết vấn đề; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.32. Phương pháp nghiên cứu định tính (Qualitative Research Methods), 4 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng về xây dựng một đề cương nghiên cứu định tính và các phương pháp thu thập thông tin như xây dựng bảng câu hỏi trong phỏng vấn sâu cấu trúc, phỏng vấn sâu bán cấu trúc, quan sát, thảo luận nhóm và thảo luận nhóm tập trung.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu các phương pháp nghiên cứu xã hội học;
- Hiểu các kỹ thuật thu thập và xử lý dữ liệu;
- Có kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu Xã hội học.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO3: Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học để giải quyết vấn đề; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, báo cáo

8.33. Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học xã hội (Application of Informatics in Social Science Research), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này sử dụng phần mềm SPSS (viết tắt của *Statistical Package for the Social Sciences*) là một chương trình máy tính phục vụ công tác thống kê. Việc sử dụng SPSS trong xã hội học nhằm giúp người học phân tích và xử lý các dữ liệu sau khi thu thập từ các nguồn khác nhau. Các dữ liệu này sau khi được xử lý có thể trình bày theo nhiều dạng (bảng biểu, đồ thị...). Môn học này còn trang bị các kiến thức về việc mã hóa dữ liệu, kiểm định giả thuyết bằng nhiều thuật toán khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO3: Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học để giải quyết vấn đề.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức về thống kê;
- Hiểu được kiến thức về dữ liệu định lượng;
- Hiểu được các chức năng cơ bản của phần mềm SPSS;
- Sử dụng được phần mềm SPSS trong việc xử lý dữ liệu định lượng;
- Đọc và trình bày được các kết quả xử lý từ phần mềm SPSS.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, làm bài tập trên máy, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Thực hành trên máy

8.34. Xã hội học đô thị (Urban Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp kiến thức về nguồn gốc bản chất và các quy luật chung cho sự phát triển và hoạt động của đô thị như một hệ thống các mối quan hệ xã hội đặc trưng cho một kiểu cư trú tập trung cao trên một lãnh thổ hạn chế. Môn học này bao gồm một số chủ đề quan trọng trong xã hội học đô thị như: tổng quan về xã hội học đô thị, các hướng tiếp cận trong nghiên cứu xã hội học, đô thị Đô thị hoá – các lý thuyết đô thị hoá và cấu trúc đô thị Việt Nam. cơ cấu xã hội đô thị, quản lý, quy hoạch và phát triển đô thị bền vững và các vấn đề của đô thị.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được bản chất của các lĩnh vực xã hội khác nhau trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội như giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế, tôn giáo, truyền thông, gia đình, giới...;

- Hiểu được qui luật của các hiện tượng xã hội cụ thể;
- Hiểu được lý thuyết về sự hình thành, phát triển của các hiện tượng xã hội trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Vận dụng kiến thức nêu trên để giải thích nguyên nhân hình thành, quá trình phát triển và dự báo xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.35. Xã hội học nông thôn (Rural Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức để hiểu được quy luật, tính quy luật của sự vận động và phát triển của nông thôn, các quan hệ xã hội, chính trị, văn hóa... nông thôn, cơ cấu xã hội nông thôn, những thiết chế xã hội đặc trưng của nông thôn, thiết chế làng xã, dòng họ, gia đình, tôn giáo đạo đức và các thiết chế xã hội khác. Từ đó, vận dụng các tư tưởng, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học để phân tích cơ cấu đặc thù của xã hội nông thôn, sự phân tầng xã hội và các thiết chế ở nông thôn, đặc điểm và tính chất của các đơn vị xã hội gia đình, họ hàng, làng xã ở nông thôn Việt Nam.

Mục tiêu học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội.; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

- Hiểu được bản chất của ng xã hội nông thôn;
- Hiểu được qui luật của các hiện tượng xảy ra trong xã hội vùng nông thôn;
- Hiểu được lý thuyết về sự hình thành, phát triển của các hiện tượng xã hội đời sống nông thôn;

- Vận dụng kiến thức nêu trên để giải thích nguyên nhân hình thành, quá trình phát triển và dự báo xu hướng phát triển của các hiện tượng trong xã hội nông thôn.

Chuẩn đầu ra học phần:

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.36. Xã hội học gia đình (Sociology of the Family), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này tập trung nghiên cứu các mối quan hệ tương tác trong gia đình và các mối quan hệ tương tác giữa gia đình với xã hội. Qua đó, nó vạch ra tính quy luật của sự hình thành, biến đổi, phát triển của gia đình, phát hiện những vấn đề nảy sinh của gia đình, dự báo những xu hướng biến đổi của gia đình. Từ đó, nó đưa ra các giải pháp cơ bản tác động vào gia đình để củng cố, phát triển gia đình vì hạnh phúc cá nhân và sự ổn định, phát triển của xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được bản chất của các lĩnh vực xã hội khác nhau trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội như giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế, tôn giáo, truyền thông, gia đình, giới...;

- Hiểu được qui luật của các hiện tượng xã hội cụ thể;

- Hiểu được lý thuyết về sự hình thành, phát triển của các hiện tượng xã hội trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Vận dụng kiến thức nêu trên để giải thích nguyên nhân hình thành, quá trình phát triển và dự báo xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.37. Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông (Theoretical Foundations of Journalism and Communication), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức chung về truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí - một hình thức của truyền thông đại chúng; cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng để học tốt các môn thực hành, tác nghiệp báo chí, truyền thông tiếp theo...; cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu, hệ thống về các chính thể quan trọng của báo chí với tư cách là một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng phổ biến nhất trong xã hội hiện đại; gồm những kiến thức về truyền thông, báo chí, nhà báo, công chúng. Ngoài ra học phần

còn trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu, lý giải một cách khoa học, khách quan về các hiện tượng báo chí và truyền thông cụ thể.

Mục tiêu học phần:

- Nắm bắt được các loại hình báo chí cơ bản hiện nay;
- Nắm được nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác truyền thông và báo chí;
- Vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật xử lý thông tin trong vấn đề nhận biết và giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể trong các lĩnh vực khác nhau dưới góc độ người làm công tác truyền thông;
- Biết thiết lập và tổ chức sự kiện xã hội trong công tác truyền thông;
- Biết vận dụng kiến thức đã học để thực hiện công tác truyền thông cộng đồng.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.38. Báo in và báo trực tuyến (Print and Online Journalism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần giúp sinh viên nắm được qui trình, cách viết bài báo in, báo trực tuyến. Giúp sinh viên hiểu biết đạo đức của người làm công việc viết bài báo in và báo trực tuyến. Ngoài ra, học phần còn giúp người học xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, nhà đầu tư, giới truyền thông, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan... Có năng lực đảm nhận công việc viết tin/ bài báo in và báo trực tuyến để truyền thông cho các doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu rõ: Người học sẽ nắm vững được cơ bản về ngành báo chí, sự khác biệt giữa báo in và báo trực tuyến, cũng như cách mà thông tin được biên soạn và phân phối trong từng trường hợp;
- Kỹ năng viết: Cải thiện khả năng viết của học viên, giúp họ biết cách tạo ra các nội dung hấp dẫn và chất lượng, phù hợp với đối tượng độc giả của cả hai hình thức truyền thông;
- Phân tích và đánh giá: Phát triển kỹ năng phân tích thông tin, đánh giá nguồn tin cậy, và hiểu biết về nguyên tắc đạo đức trong báo chí, giúp người học trở thành người tiêu dùng thông tin có trách nhiệm;

- Kỹ năng số: Nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin trong lĩnh vực báo chí, bao gồm việc sử dụng các công cụ số và nền tảng trực tuyến hiệu quả, cũng như hiểu rõ về xu hướng số hóa trong ngành;

- Chuẩn bị nghề nghiệp: Chuẩn bị cho người học các kỹ năng cần thiết để thành công trong ngành báo chí, từ kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, đến khả năng tự quản lý và tuân thủ hạn chế thời gian.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.39. Kỹ năng viết báo (Journalism Writing Skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần giúp sinh viên hiểu được qui trình và cách viết tin gây ấn tượng. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về đạo đức của người làm công việc viết bài tin, thông cáo báo chí cho tổ chức/doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, nhà đầu tư, giới truyền thông, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan... Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận biết rủi ro và hạn chế những điều có thể xảy ra ở mức thấp nhất trong việc viết tin, thông cáo báo chí.

Mục tiêu học phần:

- Nghiên cứu và thu thập thông tin: Kỹ năng tìm kiếm, xác minh, và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau là cực kỳ quan trọng. Điều này bao gồm việc phỏng vấn, sử dụng thông tin từ các nguồn trực tuyến uy tín, và kiểm tra sự chính xác của thông tin;

- Kỹ năng viết: Người viết cần có khả năng truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, chính xác, và hấp dẫn. Điều này đòi hỏi một vốn từ vựng phong phú, kỹ năng ngữ pháp tốt, và khả năng xây dựng câu chuyện có cấu trúc;

- Hiểu biết về đối tượng độc giả: Hiểu rõ nhu cầu, sở thích, và hành vi của độc giả sẽ giúp người viết tạo ra nội dung phù hợp và thu hút người đọc hơn;

- Sự sáng tạo và khả năng tư duy phản biện: Những kỹ năng này cần thiết để tạo ra các câu chuyện hấp dẫn, có tính sáng tạo và độc đáo, cũng như để đánh giá kỹ lưỡng các thông tin và sự kiện.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể;

CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.40. Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên (Journalistic Skills for Reporters), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về Nghiệp vụ Phóng viên như Đặc thù của nghề báo và phóng viên (PV); Đạo đức, phẩm chất và các kiến thức, phương pháp và kỹ năng cơ bản của người PV: từ các khâu Tìm chọn đề tài, Đi thực tế, Ghi chép, Chụp ảnh, Ghi âm và Phỏng vấn, tới đưa tin, viết bài và theo dõi Feedback, Phối hợp liên thông..

Học phần cung cấp kiến thức về các vấn đề: tầm quan trọng của công tác biên tập, đặc thù lao động biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản; các vị trí biên tập trong cơ quan báo chí, xuất bản, ấn loát...; các hoạt động nghiệp vụ trong công tác biên tập, qui trình biên tập, xử lý tin bài trong tòa soạn, kỹ năng biên tập các thể loại văn bản báo chí, sách và các ấn phẩm khác; khía cạnh tâm lý trong công tác Biên tập-Xuất bản. Môn học cũng giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản giúp cho công việc biên tập nhanh và hiệu quả hơn.

Mục tiêu học phần:

- Thu thập thông tin: Phóng viên cần có khả năng thu thập thông tin một cách nhanh chóng và chính xác từ nhiều nguồn đáng tin cậy, bao gồm việc phỏng vấn, quan sát, và nghiên cứu tài liệu, để xây dựng nên câu chuyện đa chiều và có cơ sở;

- Xác minh thông tin: Mục tiêu quan trọng khác là kỹ năng kiểm tra sự chính xác của thông tin, tránh lan truyền tin tức sai lệch hoặc không chính xác. Điều này đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về các phương pháp xác minh và đạo đức nghề nghiệp;

- Truyền đạt thông tin: Phóng viên phải biết cách trình bày thông tin một cách rõ ràng, súc tích, và hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu và sự hiểu biết của độc giả. Kỹ năng này bao gồm việc viết đơn giản nhưng không mất đi sự hấp dẫn, cũng như việc sử dụng hình ảnh, âm thanh, và video khi cần thiết để tăng cường trải nghiệm của người tiêu dùng thông tin

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.41. Nghiệp vụ biên tập và xuất bản (Editing and Publishing), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức về các vấn đề: tầm quan trọng của công tác biên tập, đặc thù lao động biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản; các vị trí biên tập trong cơ quan báo chí, xuất bản, ấn loát...; các hoạt động nghiệp vụ trong công tác biên tập, qui trình biên tập, xử lý tin bài trong tòa soạn, kỹ năng biên tập các thể loại văn bản báo chí, sách và các ấn phẩm khác; khía cạnh tâm lý trong công tác Biên tập-Xuất bản. Môn học cũng giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản giúp cho công việc biên tập nhanh và hiệu quả hơn.

Mục tiêu học phần:

- Đảm bảo chất lượng nội dung: Mục tiêu này liên quan đến việc duyệt và chỉnh sửa nội dung để đảm bảo rằng nó không chỉ chính xác về mặt ngôn ngữ và thông tin mà còn hấp dẫn và phù hợp với đối tượng độc giả mục tiêu. Điều này cũng bao gồm việc giữ cho nội dung đồng nhất về phong cách, âm điệu và đảm bảo rằng nó tuân thủ các quy định về bản quyền và đạo đức nghề nghiệp;

- Quản lý quá trình xuất bản: Đây là mục tiêu liên quan đến việc tổ chức và theo dõi các giai đoạn khác nhau của quá trình xuất bản, từ ý tưởng ban đầu, biên tập, thiết kế, đến in ấn và phát hành. Người làm nghiệp vụ này cần phải có kỹ năng quản lý dự án tốt, có khả năng làm việc với các bên liên quan và giữ cho quá trình diễn ra một cách mượt mà và hiệu quả;

- Thích ứng và đổi mới trong môi trường số: Trong thời đại số hóa, một trong những mục tiêu chính là khả năng thích ứng với các công nghệ mới, bao gồm việc sử dụng các nền tảng xuất bản số và tối ưu hóa nội dung cho các kênh trực tuyến khác nhau. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt, sẵn lòng đón nhận đổi mới, và kỹ năng không ngừng cập nhật kiến thức để đảm bảo rằng sản phẩm xuất bản luôn cạnh tranh và phù hợp với xu hướng thị trường

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.42. Xã hội học báo chí (Sociology of Journalism), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mối quan hệ của các phương tiện truyền thông đại chúng (trong đó có báo in) đối với xã hội, chức năng của báo chí, cơ chế hoạt động của ngành báo. Một số lĩnh vực nghiên cứu chính của xã hội học báo chí bao gồm nghiên cứu về các nhà truyền thông (các cơ quan báo chí, phóng viên, biên tập viên...); Nghiên cứu về công chúng, độc giả của truyền thông đại chúng; Nghiên cứu về nội dung truyền thông theo phương pháp phân tích thực nghiệm và tín hiệu học; Nghiên cứu về tác động của truyền thông đại chúng đến xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu về vai trò và tầm quan trọng của báo chí trong xã hội: Học phần này giúp sinh viên nắm vững kiến thức về báo chí và tầm quan trọng của nó trong việc truyền tải thông tin, xây dựng ý thức xã hội, và thúc đẩy cuộc trò chuyện công cộng.

- Phân tích các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến báo chí: Sinh viên được đào tạo để nhận biết và nghiên cứu các yếu tố như văn hóa, chính trị, kinh tế và xã hội đang ảnh hưởng đến hoạt động của báo chí. Điều này giúp họ hiểu rõ hơn về ngữ cảnh trong đó báo chí hoạt động.

- Phân tích nội dung báo chí: Sinh viên học cách phân tích nội dung báo chí để hiểu cách thông tin được biên tập, biểu hiện, và truyền tải. Họ có thể nghiên cứu về cách các thông điệp và hình ảnh được sắp xếp và ảnh hưởng đến ý kiến công chúng.

- Nắm vững kỹ năng phê bình báo chí: Học phần này cung cấp cho sinh viên các công cụ và kỹ năng cần thiết để đánh giá và phê bình các phương tiện truyền thông. Điều này có thể bao gồm việc phân tích đạo đức và chuẩn mực báo chí, tạo ra bản phê bình báo chí, và thậm chí tham gia vào việc cải thiện chất lượng báo chí.

- Hiểu về tầm ảnh hưởng của báo chí đối với xã hội và chính trị: Sinh viên sẽ được tìm hiểu về cách báo chí có thể ảnh hưởng đến ý kiến công chúng, quyết định chính trị, và thậm chí là sự phát triển của xã hội

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.43. Những vấn đề cơ bản về chính sách công (Fundamental Issues in Public Policy), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về chính sách công, quá trình hình thành của chính sách công gắn liền với quá

trình phát triển của xã hội. Qua học phần này, sinh viên sẽ nhận thức được vai trò, vị trí, chức năng của chính sách công quan hệ giữa chính sách công và cơ cấu xã hội, và phân tầng xã hội, biến đổi xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Nắm được các kỹ năng cơ bản trong vấn đề trình bày một sản phẩm báo chí, các loại hình báo chí cơ bản hiện nay;
- Nắm được nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác truyền thông và báo chí.
- Vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật xử lý thông tin trong vấn đề nhận biết và giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể trong các lĩnh vực khác nhau dưới góc độ người làm công tác truyền thông.
- Biết thiết lập và tổ chức sự kiện xã hội trong công tác truyền thông.
- Biết vận dụng kiến thức đã học để thực hiện công tác truyền thông cộng đồng.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.44. Quản lý dự án xã hội (Social Project Management), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần quản lý dự án xã hội trong chương trình đào tạo cử nhân ngành xã hội học giới thiệu về khái niệm và mục tiêu của quản lý dự án xã hội, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Sinh viên được hướng dẫn cách lập kế hoạch dự án từ việc xác định mục tiêu, đối tượng hưởng lợi, các hoạt động cần thực hiện, phân bổ nguồn lực và ngân sách. Học phần cũng trang bị các kỹ năng và quy trình cần thiết để thực hiện dự án, bao gồm quản lý thời gian, nhân lực, tài chính và rủi ro. Ngoài ra, sinh viên học cách giám sát tiến độ và đánh giá hiệu quả dự án qua việc thu thập và phân tích dữ liệu, báo cáo tiến độ và đánh giá tác động. Kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp với các đối tác liên quan và xây dựng mạng lưới hỗ trợ dự án cũng được chú trọng. Học phần còn bao gồm thực hành qua các bài tập, dự án nhóm và các tình huống thực tế để sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, từ đó trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thiết kế, triển khai và quản lý các dự án xã hội hiệu quả, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển cộng đồng.

Mục tiêu của học phần:

- Trang bị kiến thức cơ bản về quản lý dự án xã hội: Giúp sinh viên hiểu rõ khái niệm, mục tiêu, và tầm quan trọng của quản lý dự án trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.

- Phát triển kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện dự án: Hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch chi tiết, bao gồm xác định mục tiêu, phân bổ nguồn lực, và quản lý thời gian, nhằm đảm bảo dự án được thực hiện hiệu quả và đạt được kết quả mong muốn.

- Nâng cao khả năng giám sát và đánh giá dự án: Trang bị cho sinh viên các phương pháp và công cụ để giám sát tiến độ và đánh giá hiệu quả của dự án, từ đó đưa ra các điều chỉnh kịp thời và cải thiện chất lượng dự án.

- Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và phối hợp với các đối tác liên quan, nhằm tăng cường khả năng hợp tác và xây dựng mạng lưới hỗ trợ cho việc triển khai và quản lý dự án xã hội.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1: Sinh viên sẽ nắm vững các khái niệm, mục tiêu và tầm quan trọng của quản lý dự án xã hội trong việc giải quyết các vấn đề cộng đồng, CLO2: có khả năng lập kế hoạch chi tiết cho một dự án xã hội, bao gồm xác định mục tiêu, phân bổ nguồn lực và quản lý thời gian hiệu quả, và CLO3: có thể triển khai và quản lý các hoạt động của dự án xã hội, bao gồm quản lý nhân lực, tài chính và rủi ro.

PP giảng dạy: Áp dụng các phương pháp giảng dạy bao gồm giảng dạy lý thuyết kết hợp với thảo luận nhóm, bài tập tình huống và các dự án thực tế. Giảng viên sử dụng các công cụ trực quan, bài giảng, và mời các chuyên gia đến chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

PP học tập: Sinh viên tham gia học phần này sẽ học tập thông qua việc tham gia thảo luận nhóm, thực hành lập kế hoạch và quản lý dự án, nghiên cứu tình huống và thực hiện các dự án nhóm. Họ cũng cần đọc tài liệu, nghiên cứu thêm và tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan.

PP kiểm tra, đánh giá: Học phần này đánh giá sinh viên thông qua các bài kiểm tra lý thuyết, bài tập nhóm, thuyết trình, và tiểu luận cuối kỳ. Việc đánh giá bao gồm cả quá trình tham gia học tập, sự đóng góp vào các hoạt động nhóm và chất lượng của các dự án thực tế được thực hiện.

8.45. Xã hội học quản lý (Management Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, lý thuyết quản lý xã hội; Nhiệm vụ, chức năng và nguyên tắc quản lý; Tư tưởng quản lý xã hội của các tác giả như Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, Hàn Phi Tử; Một số tư tưởng quản lý xã hội ở Việt Nam như: Tư tưởng quản lý xã hội “Trọng dân, vì dân”, Tư tưởng quản lý xã hội “Dĩ dân vi bản”, Tư tưởng đức trị, pháp trị đến tư tưởng văn trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý Nhà nước do dân, vì dân, Tư tưởng Hồ Chí Minh về lựa chọn cán bộ lãnh đạo.

Mục tiêu của học phần:

- Hiểu được các chính sách xã hội hiện hành của nhà nước;
- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ của tổ chức xã hội cụ thể;
- Biết được cách thức điều hành, phân công, giám sát và thực hiện nhiệm vụ cụ thể;
- Vận dụng kiến thức đã học vào việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trong từng tổ chức xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.46. Xã hội học tổ chức (Organizational Sociology), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản trị, về tổ chức, cách thức và nguyên tắc cải biến, tiến triển, hoặc phải nhìn nhận lại để giải quyết những xung đột, những căng thẳng thực tế của con người từ bên trong tổ chức cũng như từ những biến chuyển, thay đổi của môi trường bên ngoài.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các chính sách xã hội hiện hành của nhà nước;
- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ của tổ chức xã hội cụ thể;
- Biết được cách thức điều hành, phân công, giám sát và thực hiện nhiệm vụ cụ thể;
- Vận dụng kiến thức đã học vào việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trong từng tổ chức xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.47. Thực tập tốt nghiệp Xã hội học (Internship), 5 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần nhằm giúp cho sinh viên củng cố, nâng cao kiến thức thực tế sau khi đã học các môn lý thuyết. Vận dụng các kiến thức và hiểu biết về thiết kế một sản phẩm chuyên ngành Xã hội học hoàn chỉnh, xây dựng dự án và phát triển dự án cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra, học phần còn trang bị các kiến thức và kỹ năng giúp sinh viên hiểu và tuân thủ những chính sách và pháp luật của Nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội, luật pháp; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức hành nghề (nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, cầu tiến).

Mục tiêu học phần:

- Hiểu các phương pháp nghiên cứu xã hội học;
- Hiểu các kỹ thuật thu thập và xử lý dữ liệu;
- Có kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu Xã hội học.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO3: Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học để giải quyết vấn đề; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Báo cáo

8.48. Khóa luận tốt nghiệp Xã hội học (Thesis), 12 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn chuyên ngành bắt buộc của khoá học. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng là một đề tài có nội dung liên quan đến kiến thức chuyên ngành của khoá học. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định thông báo của Khoa về thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận.

Mục tiêu học phần:

- Khảo sát và Phân tích: Sinh viên sẽ tiến hành nghiên cứu sâu rộng trên một chủ đề cụ thể trong lĩnh vực xã hội học, áp dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu học thuật để khảo sát, thu thập, và phân tích dữ liệu;
- Áp dụng Lý thuyết: Sinh viên cần chứng minh khả năng liên kết lý thuyết đã học với thực tiễn, thông qua việc áp dụng các lý thuyết xã hội học vào việc giải thích các hiện tượng, sự kiện, hoặc vấn đề xã hội cụ thể;

- Đóng góp Kiến thức: Mục tiêu cuối cùng là tạo ra một công trình nghiên cứu có giá trị, có thể mở rộng hiểu biết về một lĩnh vực cụ thể trong xã hội học, đặt nền móng cho các nghiên cứu sau này hoặc đề xuất các giải pháp cho các vấn đề xã hội hiện hữu.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO3: Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học để giải quyết vấn đề; CLO4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức xã hội học về lĩnh vực truyền thông báo chí; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học

PP học tập: tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Khóa luận tốt nghiệp

8.49. Xã hội học kinh tế (Economic Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần sẽ cung cấp các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế, các lý thuyết và phương pháp luận nghiên cứu, cũng như một số vấn đề kinh tế đang nổi lên ở Việt Nam từ góc nhìn của xã hội học.

Mục tiêu học phần:

- Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức hành nghề Xã hội học (trung thực, khách quan, giữ bí mật, không định kiến xã hội);
- Biết làm việc nhóm và cộng đồng xã hội;
- Biết làm chủ vị trí lao động của bản thân trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với các vị trí lao động khác;
- Nắm được nguyên tắc và có sáng kiến để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Biết học tập từ đồng nghiệp và tự học thêm để hoàn thiện bản thân.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.50. Xã hội học văn hóa (Cultural Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần được chia thành ba phần:

- Phần thứ nhất: giới thiệu bao quát và nội dung lý thuyết cơ bản về văn hóa và xã hội học văn hóa.

- Phần thứ hai: giới thiệu về giá trị và hệ thống giá trị, xu hướng vận động; biến đổi và hòa nhập văn hóa. Giới thiệu phương pháp tiếp cận sự kiện hiện tượng xã hội học văn hóa đặc biệt là tiếp cận văn hóa Việt Nam.

- Phần thứ ba: giới thiệu phương pháp nghiên cứu và điều tra xã hội học văn hóa.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được bản chất của các lĩnh vực xã hội khác nhau trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội như giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế, tôn giáo, truyền thông, gia đình, giới...;

- Hiểu được qui luật của các hiện tượng xã hội cụ thể;

- Hiểu được lý thuyết về sự hình thành, phát triển của các hiện tượng xã hội trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Vận dụng kiến thức nêu trên để giải thích nguyên nhân hình thành, quá trình phát triển và dự báo xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.51. Xã hội học giáo dục (Sociology of Education), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Vai trò của giáo dục đối với việc xã hội hóa cá nhân trong xã hội hiện đại như thế nào? Ở Việt Nam? Những vấn đề nào đang được đặt ra? Mối quan hệ giữa dân số và giáo dục? Yếu tố giáo dục tác động như thế nào trong quá trình Xóa đói giảm nghèo? Những vấn đề về cải cách giáo dục trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa? Cải cách giáo dục giáo dục có tác động như thế nào đối với sự tăng trưởng kinh tế? Giáo dục có vai trò gì đối với sự phân hóa xã hội và phân tầng xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được bản chất của các lĩnh vực xã hội khác nhau trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội như giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế, tôn giáo, truyền thông, gia đình, giới... - Hiểu được qui luật của các hiện tượng xã hội cụ thể;

- Hiểu được lý thuyết về sự hình thành, phát triển của các hiện tượng xã hội trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Vận dụng kiến thức nêu trên để giải thích nguyên nhân hình thành, quá trình phát triển và dự báo xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.52. Xã hội học về giới (Gender Sociology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần khoa học về giới, có mục đích nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa những hiểu biết về giới và các chiến lược phát triển vốn là mối quan tâm của ngành xã hội học. Các kiến thức bao gồm: (1) Trình bày những kiến thức khái quát về tình trạng thiệt thòi, lệ thuộc của giới nữ đã và đang tồn tại trên nhiều nước, trong đó Việt Nam không ngoại lệ nhằm trả lời câu hỏi “Tại sao Giới là một vấn đề phát triển?” (2) Giới thiệu về các khái niệm căn bản của khoa học về Giới như Giới, Giới tính, vai trò giới, sự phân công lao động theo giới. (3) Trình bày về các lý thuyết nữ quyền và các công cụ phân tích giới nhằm đạt đến sự hiểu biết nhất định về tầm quan trọng của nhu cầu chiến lược trong quá trình tiến đến bình đẳng giới.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được bản chất của các lĩnh vực xã hội khác nhau trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội như giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế, tôn giáo, truyền thông, gia đình, giới...;

- Hiểu được qui luật của các hiện tượng xã hội cụ thể;

- Hiểu được lý thuyết về sự hình thành, phát triển của các hiện tượng xã hội trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Vận dụng kiến thức nêu trên để giải thích nguyên nhân hình thành, quá trình phát triển và dự báo xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Năng lực hiểu biết về các vấn đề xã hội; CLO2: Năng lực hiểu biết về bản chất và qui luật phát triển của các lĩnh vực xã hội cụ thể; CLO5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về Xã hội học quản trị tổ chức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận

8.53. Lịch sử văn minh thế giới (History of world civilization), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Môn học Các nền văn minh thế giới gồm có 11 chương cung cấp cho người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành khác. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có đó được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

Mục tiêu học phần:

- Giúp người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành khác nhau. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

- Bên cạnh đó, học phần còn góp phần phát triển các kỹ năng: tư duy như phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, cũng như củng cố thái độ học tập tích cực và ý thức tự đánh giá điều chỉnh trong quá trình học tập của sinh viên.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Trình bày vai trò và nhiệm vụ của học phần CNVMTG trong việc giáo dục giới trẻ về kiến thức cơ sở hình thành lịch sử, những thành tựu chính của các nền văn minh trên thế giới; CLO2. Xây dựng và vận dụng kiến thức qua việc nghiên cứu về việc hình thành các nền văn minh trên thế giới; CLO3. Vận dụng kiến thức lịch sử, thành tựu chính của các nền văn minh thế giới xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân trọng những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người nhằm tôn trọng, ứng dụng trong thực tế cuộc sống; CLO4. Đánh giá và lựa chọn các kiến thức phù hợp trong cuộc sống, công việc tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại; CLO5. Thực hành, nhận xét, phân tích về quá trình hình thành các nền văn minh tiêu biểu của nhân loại cũng như các thành tựu chính của các nền văn minh có thể ứng dụng; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả, phân tích kiến thức cụ thể qua từng bài học; CLO7. Xử lý các vấn đề, tình huống, áp dụng kiến thức đã học từ quá trình hình thành các nền văn minh cũng như những thành tựu của

các nền văn minh thế giới trong đời sống, việc làm trong tương lai; CLO8. Có ý thức trách nhiệm, ứng xử văn hóa tốt trong môi trường văn hóa, lịch sử, thành tựu của nhân loại; CLO9. Hình thành lòng yêu quê hương, đất nước, cá nhân đóng vai trò phát huy truyền thống và lòng tự hào dân tộc thông qua học phần Các nền văn minh thế giới.

PP giảng dạy: thuyết giảng, thuyết trình và phản biện, đặt vấn đề.

PP học tập: nghe giảng, thuyết trình nhóm, làm bài tập trắc nghiệm theo nhóm, trả lời câu hỏi tự luận cá nhân, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: dự lớp, thuyết trình, kiểm tra tại lớp, làm trắc nghiệm.

8.54. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific research methods), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách thức xây dựng và tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng vào các đề án nghiên cứu của mình sau này.

Mục tiêu học phần:

- Sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và phương pháp nghiên cứu thường dùng;
- Biết những lợi ích nghiên cứu khoa học. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu vấn đề một cách có hệ thống và có phương pháp;
- Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một đề cương nghiên cứu;
- Có khả năng đưa ra câu hỏi nghiên cứu xác đáng đối với vấn đề cần nghiên cứu;
- Có khả năng chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp;
- Có khả năng lập kế hoạch thu thập thông tin tương ứng để đảm bảo độ tin cậy và độ xác thực của thông tin;
- Ý thức được tính đạo đức của vấn đề cần nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu đã chọn;
- Có khả năng viết theo văn phong khoa học.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. *Hiểu được* ý nghĩa, chức năng và nhiệm vụ của học phần này đối với sinh viên bậc đại học; CLO2. *Trình bày được* những khái niệm cơ bản liên quan đến nghiên cứu khoa học; *Giải thích được* những đặc điểm cơ bản của nghiên cứu khoa học; CLO3. *Trình bày được* những phân loại cơ bản của nghiên cứu khoa học. *Phân tích được* các biến số, sự đo lường, tính giá trị và độ tin cậy của nghiên cứu khoa học; *Trình bày được* các phương pháp và kỹ thuật nghiên

cứu; *Vận dụng* được các phương pháp này trong từng chủ đề nghiên cứu cụ thể; *Thực hiện* được việc xử lý dữ liệu thông tin; *Thực hiện* được quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học; CLO4. *Vận dụng* các kiến thức đã học để thực hiện được một nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh vào một chủ đề cụ thể; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng làm việc nhóm; CLO6. Kỹ năng xử lý dữ liệu; CLO7. Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng tổng hợp và phân tích tài liệu, kỹ năng trình bày dữ liệu và số liệu; CLO8. Có ý thức trách nhiệm với công việc: chăm chỉ, ân cần, có tinh thần trách nhiệm với công việc của cá nhân và tập thể; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, luôn cầu tiến và sáng tạo...

PP giảng dạy: Thuyết giảng, vấn đáp, giải quyết vấn đề, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, phân tích và phương pháp xử lý thông tin, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiểu luận.

8.55. Ngoại giao văn hóa (Cultural Diplomacy), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về ngoại giao văn hóa, về tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia cũng như mối quan hệ giữa ngoại giao văn hóa đối với hợp tác kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội. Người học được tìm hiểu về chính sách, công cụ và hình thức biểu hiện của ngoại giao văn hóa thông qua thực tiễn triển khai của một số quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu quan điểm của Việt Nam và hiệu quả triển khai ngoại giao văn hóa của Việt Nam trong thế kỷ XXI, qua đó, Sinh viên có khả năng nghiên cứu và ứng dụng văn hóa vào đời sống và công việc.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cơ sở thực tiễn và lý luận về NGVH;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và vai trò của NGVH;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phương thức và công cụ thực hiện NGVH;
- Trang bị kiến thức về quan điểm của VN và các nước lớn về NGVH;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Mô tả được nội dung cơ bản của NGVH; CLO2. Phân tích được một số nội dung liên quan đến NGVH của VN và các nước lớn tiếp cận từ góc độ QHQT; CLO3. Vận dụng được kỹ năng phân tích các trường hợp liên quan đến ứng xử văn hóa giữa cá nhân, tổ chức với nhau, các sự kiện QT; CLO4. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để ứng xử hài hòa nơi làm việc, cũng như tham gia ngoại giao nhân dân ở góc độ cá nhân; CLO5. Vận dụng khả năng tự học và tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng; CLO6. Chủ động, chuyên cần và nghiêm túc trong học

tập và nghiên cứu quan hệ đối ngoại của Việt Nam, đóng góp vào tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

PP giảng dạy: phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, đọc và tóm lược tài liệu, động não nhanh, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, dạy học theo nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, phân tích case study, làm bài tập online.

PP kiểm tra, đánh giá: tự luận.

8.56. Hành vi tổ chức (Organizational Behavior), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần “Hành vi tổ chức” cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hành vi con người trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức trong bối cảnh tổ chức; Nghiên cứu nhu cầu con người, động lực thúc đẩy và mức độ thỏa mãn của con người đối với công việc; Ứng dụng trong hoạt động nhân sự để giữ chân nhân tài, ổn định cơ cấu nhân sự đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp. Học phần gồm 9 chương tập trung nghiên cứu hành vi tổ chức đi vào phân tích bối cảnh và vai trò cụ thể mà người lao động làm việc trong tổ chức, nghiên cứu một cách hệ thống về hành vi và thái độ của con người trong mối tương tác giữa cá nhân, nhóm và tổ chức để có thể đưa ra những nguyên tắc, phương hướng và giải pháp cụ thể về quản lý; từ đó tổ chức điều chỉnh tạo sự gắn bó giữa người lao động với tổ chức, khuyến khích sáng tạo và tạo động lực cho người lao động. Học phần hành vi tổ chức giúp người học hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ, sự động viên... đến hành vi cá nhân; hiểu được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân và các dạng hành vi trong nhóm; nhận dạng được các xung đột và chọn chiến lược giải quyết xung đột; nắm các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, các đặc tính của văn hóa tổ chức, nhận dạng sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến sự phát triển của một tổ chức.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ, sự động viên... đến hành vi cá nhân;
- Hiểu được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân; Nhận dạng được các loại xung đột và chọn chiến lược giải quyết xung đột;
- Nắm được các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến hành vi tổ chức và sự phát triển của một tổ chức;
- Phát triển các kỹ năng: tư duy như phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, cũng như củng cố thái độ học tập tích cực và ý thức tự đánh giá điều chỉnh trong quá trình học tập của sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. **Phân tích** các yếu tố tác động đến hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức; CLO2. **Đánh giá** các tác động ảnh hưởng đến tổ chức qua các hành vi của cá nhân và nhóm trong công việc tại nơi làm việc; CLO3. **Làm việc nhóm** hiệu quả ở vị trí là một thành viên hay lãnh đạo nhóm; CLO4. **Đưa ra** các giải

pháp giải quyết các tình huống thực tế về hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức dựa trên việc áp dụng các nguyên tắc và phương pháp quản trị hành vi; CLO5. **Tích cực** hợp tác và có trách nhiệm trong công việc, chấp hành nội quy và nguyên tắc hoạt động của tập thể, nhóm.

PP giảng dạy: thuyết giảng, hỏi đáp, bài tập cá nhân, hướng dẫn tự học, bài tập thảo luận nhóm.

PP học tập: làm việc nhóm, bài tập cá nhân, trả lời câu hỏi, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiêu luận nhóm.

8.57. Quan hệ quốc tế (Introduction to International Relations), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này gồm 5 chương, cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về quan hệ quốc tế nhằm giúp người học nhận diện các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế, động lực tham gia quan hệ quốc tế của chủ thể và các công cụ được sử dụng. Người học được giới thiệu cơ bản về chủ thể quốc gia, phi quốc gia, về yếu tố quyền lực được nhìn nhận như phương tiện và mục tiêu trong quan hệ quốc tế; cũng như các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu vai trò của ngoại giao và công tác lễ tân ngoại giao trong quan hệ quốc tế, qua đó, người học có thể ứng dụng vào trong công việc, học tập và nghiên cứu.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về quan hệ quốc tế, các chủ thể tham gia và sự chi phối của yếu tố quyền lực đến quan hệ quốc tế;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngoại giao và công tác lễ tân trong các sự kiện ngoại giao;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về bản chất của xung đột và vai trò của hợp tác quốc tế trong môi trường chính trị quốc tế;
- Trang bị kiến thức về nhận diện các nguy cơ cũng như các cơ hội trong quan hệ quốc tế, từ đó rút ra quy luật phát triển của quốc gia, tổ chức và cá nhân trong bối cảnh mới;
- Phát triển kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, kỹ năng trình bày, giải thích, phân tích, lập luận, tổng hợp và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nắm được những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế như đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chủ thể quan hệ quốc tế, các công cụ trong quan hệ quốc tế, loại hình và tính chất của quan hệ quốc tế; CLO2. Hiểu được bản chất của xung đột và tác động của xung đột trong quan hệ quốc tế; CLO3. Nhận biết được những vấn đề về hội nhập quốc tế cho quốc gia và mỗi cá nhân trong thời kỳ toàn cầu hoá; CLO4. Nắm được những kiến thức cơ bản về ngoại giao và công tác lễ tân trong các sự kiện ngoại giao; CLO5. Có khả năng phát hiện vấn đề; CLO6. Có khả năng tự học và khả năng tư duy trong giải quyết vấn đề từ công việc

và cuộc sống; CLO7. Kỹ năng lập kế hoạch; CLO8. Bước đầu đưa ra các luận điểm cá nhân về thời sự quốc tế; CLO9. Chú ý và quan tâm đến các vấn đề thời sự quốc tế; CLO10. Chấp nhận sự khác biệt trong 1 thế giới đa dạng và dễ dàng tiếp nhận những thay đổi mới.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, thảo luận nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiêu luận cá nhân.

8.58. Hội nhập châu Á – Thái Bình Dương (Asia – Pacific Integration), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về hội nhập khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI, nhằm giúp người học nắm được các vấn đề cơ bản về kinh tế chính trị và đối ngoại của các nước lớn, và vị thế của Việt Nam trong khu vực. Người học được giới thiệu cơ bản về tình hình chính trị trong khu vực, qua đó tìm hiểu những vấn đề ngoại giao đa phương ở khu vực, đặc biệt là các nhân tố tác động và sự vận động của quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về vị trí địa lý, tình hình kinh tế xã hội của khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và những tiểu khu vực nói riêng như Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam Á. Cách tiếp cận dựa vào lý thuyết quan hệ quốc tế, lý thuyết địa chính trị, địa kinh tế giúp người học nhận định được tình hình khu vực và vị thế của Việt Nam;

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực, chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương;

- Trang bị kiến thức về xử lý thông tin, phân tích tình hình thế giới, nắm bắt được xu hướng phát triển của thế giới;

- Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, lập luận, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Trình bày được vị trí địa lý, tình hình kinh tế - xã hội khu vực châu Á – Thái Bình Dương và kể tên được các nước lớn, các tiểu khu vực; CLO2. Nắm bắt được kiến thức toàn diện về những vấn đề đã xảy ra trong khu vực trước thế kỷ XXI và trong thế kỷ XXI; CLO3. Trình bày về đường lối chính sách của các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ 21; CLO4. Nắm bắt và nhận định được vị thế và vai trò của Việt Nam trong khu vực, chính sách đối ngoại của Việt Nam trong quá trình hội nhập khu vực; CLO5. Tìm kiếm và phân loại thông tin trong kỷ nguyên số; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO7.

Thực hành kỹ năng phân tích tình hình thế giới; CLO8. Rèn luyện kỹ năng đọc tin tức thời sự quốc tế; CLO9. Có ý thức, trách nhiệm, lịch sự, tinh thần học hỏi và kỹ năng làm việc nhóm; CLO10. Hình thành lòng yêu nước, thái độ khách quan, có tinh thần tôn trọng sự khác biệt trong môi trường đa văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa các nước phương Đông và trên thế giới.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình.

PP kiểm tra, đánh giá: bài tập nhóm, tiểu luận cá nhân.

8.59. Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học tri thức cơ bản về ngôn ngữ như: bản chất, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; các ngôn ngữ trên thế giới; đặc điểm và các cấp độ ngôn ngữ; các loại chữ viết.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy;
- Cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu một ngôn ngữ cụ thể và vận dụng chúng trong học tập nghiên cứu;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Nắm vững, trình bày được những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng; CLO2. Hiểu được bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy; CLO3. Vận dụng tri thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng vào trong học tập nghiên cứu; CLO4. Đạt được kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; CLO5. Đánh giá được các xu thế ngôn ngữ của Việt Nam và thế giới nổi bật hiện nay; CLO6. Biết vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy và những công việc khác; CLO7. Duy trì việc tự học, cập nhật kiến thức chuyên ngành.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiểu luận, kiểm tra cá nhân.

8.60. Xã hội học y tế (Medical Sociology), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Xã hội học y tế gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa xã hội và y tế, bao gồm: Bản chất và vai trò của xã hội học y tế trong nghiên cứu sức khỏe; Các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật (như giai cấp, giới tính, độ tuổi, văn hóa..); Hệ thống y tế và chính sách y tế trong bối cảnh xã hội; Tương tác giữa bệnh nhân, nhân viên y tế và xã hội. Các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về xã hội học y tế, mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội và sức khỏe, cũng như vai trò của văn hóa, kinh tế trong chăm sóc y tế, các chương trình sức khỏe cộng đồng
- Trang bị kỹ năng phân tích các vấn đề y tế từ góc độ xã hội học, bao gồm bất bình đẳng sức khỏe và chính sách y tế, các chương trình sức khỏe cộng đồng
- Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình, làm việc nhóm và nghiên cứu độc lập để áp dụng vào thực tiễn y tế và xã hội.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1: Nắm vững và trình bày được các khái niệm cơ bản của xã hội học y tế, bao gồm các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật. CLO2: Hiểu được mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế, chính trị và hệ thống y tế, cũng như tác động của chúng đến sức khỏe cộng đồng. CLO3: Vận dụng kiến thức xã hội học y tế để phân tích các vấn đề thực tiễn, như bất bình đẳng trong tiếp cận y tế hoặc hành vi sức khỏe cộng đồng. CLO4: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp hiệu quả trong các dự án nghiên cứu hoặc thảo luận. CLO5: Đánh giá được các xu hướng xã hội và chính sách y tế nổi bật tại Việt Nam và trên thế giới. CLO6: Áp dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy hoặc các công việc liên quan đến y tế và xã hội. CLO7: Duy trì thói quen tự học, cập nhật kiến thức về xã hội học y tế và các vấn đề y tế xã hội mới.

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp trình chiếu để giới thiệu lý thuyết. Phát vấn, hỏi đáp để khuyến khích tư duy phản biện. Thảo luận nhóm và động não nhanh để phân tích các tình huống thực tế. Giao bài đọc về nhà và hướng dẫn tự học để củng cố kiến thức. Phân tích case study (ví dụ: bất bình đẳng y tế ở nông thôn Việt Nam).

Phương pháp học tập: Thuyết trình cá nhân hoặc nhóm để trình bày nghiên cứu hoặc phân tích. Làm việc nhóm để giải quyết các bài tập tình huống. Tự học và nghiên cứu tài liệu để chuẩn bị cho bài giảng và thảo luận. Viết tóm tắt hoặc phản ánh về các bài đọc được giao.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận: Viết bài phân tích về một chủ đề xã hội học y tế (ví dụ: tác động của nghèo đói đến sức khỏe). Kiểm tra cá nhân: Bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận để đánh giá kiến thức lý thuyết. Thuyết trình nhóm: Đánh giá kỹ năng trình bày và làm việc nhóm qua các dự án.

9. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/KLTN	
Học kỳ 1				12	11	0	1	0	0	
1	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					KT-TC

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN	
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					KT-TC
3	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					KHXXH&NV
4	SOC305	Nhập môn ngành Xã hội học	BB	2	2					KHXXH&NV
5	SOC312	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			KHXXH&NV
Học kỳ 2				18	18	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác Lê-nin	BB	3	3					KHXXH&NV
2	SOS102	Văn hiến Việt Nam	BB	3	3					DL
3	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					KT-QT
4	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	BB	3	3					CNTT
5	SOC302	Lịch sử xã hội học	BB	3	3					KHXXH&NV
6	SOC303	Lý thuyết xã hội học	BB	3	3					KHXXH&NV
7		Giáo dục thể chất 1	BB	1		1				V.TT&TT
8		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	BB	8		8				V.TT&TT
Học kỳ 3				17	17	0	0	0	0	
1	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BB	2	2					KT-QT
2	SOC301	Chính sách xã hội	BB	2	2					KHXXH&NV
3	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	BB	3	3					NN
4	SOC306	Phát triển cộng đồng	BB	2	2					KHXXH&NV
5	SOC304	Nhập môn Công tác xã hội	BB	2	2					KHXXH&NV
6	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	BB	3	3					NN
7		Giáo dục thể chất 2	BB	1		1				V.TT&TT
Chọn 1 trong 4 học phần				3	3					
1	PSY201	Tâm lý học đại cương	TC	3	3					KHXXH&NV
2	SOS206	Mỹ học đại cương	TC	3	3					KHXXH&NV
3	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	TC	3	3					DL
4	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	TC	3	3					KHXXH&NV
Học kỳ 4				17	16	1	0	0	0	
1	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2	2					KHXXH&NV
2	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	BB	3	3					NN
3	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	BB	3	3					KHXXH&NV
4	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					DL
5	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	BB	2	2					KHXXH&NV
6	SOC452	Phương pháp nghiên cứu định lượng	BB	4	3	1				KHXXH&NV
7		Giáo dục thể chất 3	BB	1		1				V.TT&TT
Học kỳ 5				18	17	1	0	0	0	
1	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					KHXXH&NV
2	BUS102	Quản trị sự thay đổi	BB	3	3					DL

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN	
3	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	BB	3	3					KHXH&NV
4	SOC453	Phương pháp nghiên cứu định tính	BB	4	3	1				KHXH&NV
5	BUS417	Hành vi tổ chức	BB	3	3					KT-QT
6	SOC313	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	BB	3	3					KHXH&NV
Học kỳ 6				22	20	0	2	0	0	
1	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	2	2					K.XHTT
2	SOS305	Quan hệ quốc tế	BB	3	3					KHXH&NV
3	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BB	3	3					KHXH&NV
4	SOC429	Xã hội học gia đình	BB	3	3					KHXH&NV
5	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					KHXH&NV
6	SOC457	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	BB	2			2			KHXH&NV
7	SOS304	Hội nhập Châu Á – Thái Bình Dương	BB	3	3					KHXH&NV
8	CUL301	Ngoại giao văn hóa	BB	3	3					NN
9	CẤP MÃ	Xã hội học y tế	BB	2	2					KHXH&NV
Học kỳ 7				15	15	0	0	0	0	
Chuyên ngành 1: Xã hội học truyền thông - đại chúng				15	15	0	0	0	0	
1	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	BB	2	2					KHXH&NV
2	PUR423	Báo in và trực tuyến	BB	2	2					KHXH&NV
3	SOC417	Kỹ năng viết báo	BB	3	3					KHXH&NV
4	LIT430	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	BB	2	2					KHXH&NV
5	LIT435	Nghệ vụ biên tập và xuất bản	BB	3	3					KHXH&NV
6	SOC426	Xã hội học báo chí	BB	3	3					KHXH&NV
Chuyên ngành 2: Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội				15	15	0	0	0	0	
1	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	BB	2	2					KHXH&NV
2	SOC454	Xã hội học đô thị	BB	3	3					KHXH&NV
3	SOC309	Quản lý dự án xã hội	BB	2	2					KHXH&NV
4	SOC455	Xã hội học nông thôn	BB	3	3					KHXH&NV
5	SOC436	Xã hội học quản lý	BB	3	3					KHXH&NV
6	SOC456	Xã hội học tổ chức	BB	2	2					KHXH&NV
Học kỳ 8				17	0	0	5	0	12	
1	SOC542	TTTN Xã hội học	BB	5			5			KHXH&NV
2	SOC543	KLTN Xã hội học	BB	12					12	KHXH&NV

TÊN HỌC PHẦN	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
Chủ nghĩa xã hội khoa học	H										
Tư tưởng Hồ Chí Minh	H										
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H										
Pháp luật đại cương	H	H								M	M
Tiếng Anh giao tiếp 1								H			
Tiếng Anh giao tiếp 2								H			
Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông									H		
Môi trường con người		M									
Thống kê ứng dụng		M							M		
Tinh thần khởi nghiệp		M									M
Văn hiến Việt Nam		X									
Các vấn đề xã hội đương đại		M	M								
Phương pháp học đại học		M								M	
Kỹ năng sử dụng tiếng Việt		M									
Tâm lý học đại cương		M	M								
Mỹ học đại cương		M									
Giao tiếp đa văn hóa		M									M
Kỹ năng hành chính văn phòng		X									
Nhập môn ngành Xã hội học		H	H	H		H	H				
Quản trị sự thay đổi		M	M								
Trải nghiệm ngành, nghề		H	M			H	M				
Báo cáo chuyên đề thực tiễn		H	M			H	M				
Thực tập nghề nghiệp Xã hội học				M	M	M	M			M	M
Phương pháp nghiên cứu khoa học		H	M								
Ngôn ngữ học đại cương		L									
Ngoại giao văn hóa		L						H			
Hành vi tổ chức		L	L			M					
Lịch sử văn minh thế giới		L								M	M
Quan hệ quốc tế		L								M	M
Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương		L								M	M
Lịch sử xã hội học		M	H	H		M	M				
Lý thuyết xã hội học		M	H	H		M	M				
Chính sách xã hội		M	H			M					
Nhập môn Công tác xã hội		M	H			M					
Phát triển cộng đồng		M	H			M					
Phương pháp nghiên cứu định lượng			H	H					M		
Phương pháp nghiên cứu định tính			H	H					M		

TÊN HỌC PHẦN	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học xã hội			H	H					M		
Xã hội học đô thị			H	H		H					
Xã hội học nông thôn			H	H		H	H				
Xã hội học gia đình			H	H		H	H				
Xã hội học y tế			H	H		H	H				
Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông			H	H		H	H				
Báo in và báo trực tuyến			H	H		H	H				
Kỹ năng viết báo			H	H		H	H				
Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên			H	H		H	H				
Nghệ vụ biên tập và xuất bản			H	H		H	H				
Xã hội học báo chí			H	H		H	H				
Những vấn đề cơ bản về chính sách công			H	H		H					
Quản lý dự án xã hội			H	H		H					
Xã hội học quản lý			H	H		H					
Xã hội học tổ chức			H	H		H					
TTTN Xã hội học			H	H		H	H	H		H	H
KLTN Xã hội học			H	H		H	H				
Xã hội học kinh tế			H	H		H	H				
Xã hội học văn hóa			H	H		H	H				
Xã hội học giáo dục			H	H		H	H				
Xã hội học giới			H	H		H					

11. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

11.1. Đội ngũ giảng viên cán bộ nhân viên và thỉnh giảng:

- GS: Không có
- PGS: 01
- TS: 08
- ThS: 42

11.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Trường Đại học Văn Hiến hiện có các cơ sở sau:

Trụ sở chính: 66X Điện Biên Phủ, quận 3, TP.HCM

Cơ sở 2 tại 613 Âu Cơ, Tân Phú, TP.HCM

Cơ sở 3 tại 624 Âu Cơ, Tân Bình, TP.HCM

Cơ sở 4 tại CamPus Nguyễn Văn Linh, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 5 tại 740 Điện Biên Phủ, quận 10, TP.HCM

Cơ sở 6 tại 642 Âu Cơ, Tân Bình, TP.HCM

Cơ sở 7 tại 2A2 Quốc lộ 1A, Quận 12, TP.HCM

Cơ sở 8 tại 8-14 Nguyễn Bá Tuyển, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 9 tại 615 Âu Cơ, Tân Phú, TP.HCM

Tổng diện tích sử dụng hiện nay của Nhà trường là 66.962 m² với các cơ sở vật chất phục vụ thực hiện chương trình đào tạo ngành dự kiến mở bao gồm: 04 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 - 200 chỗ; 72 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 81 phòng học dưới 50 chỗ; 02 phòng học đa phương tiện; 84 phòng làm việc của các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian; 03 thư viện (Trung tâm Học liệu); 09 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; và sân bóng đá (rộng 5.400 m²) phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao đa năng. Tất cả các cơ sở của Trường Đại học Văn Hiến đều được phủ sóng mạng không dây (wifi) với băng thông tốc độ cao để đảm bảo việc truy cập internet phục vụ người học, giảng viên, cán bộ, nhân viên mọi lúc, mọi nơi trong khuôn viên của Nhà trường.

12. Học liệu/Nguồn tài liệu học tập:

12.1. Tài liệu bắt buộc:

STT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
1.	Triết học Mác - Lênin	1. Trần Phúc Thăng (chủ biên), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin, -HV Lý luận chính trị</i> , 2004. 2. Huỳnh Văn Giàu, <i>Tập bài giảng Triết học Mác – Lênin</i> , tài liệu lưu hành nội bộ. 2019
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1. Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa/Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. HV Lý luận chính trị, 2006. 2. Đoàn Thị Huế, <i>Tập bài giảng Triết học Mác - Lênin</i> : tài liệu lưu hành nội bộ. 2019
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học/Bộ giáo dục và đào tạo. NXB Chính trị quốc gia, 2007. 2. Dương Đức Hưng, <i>Chủ nghĩa Xã hội Khoa học</i> , tài liệu lưu hành nội bộ. 2019
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh/Phạm Ngọc Anh và những người khác, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2018. 2. Tạ Trần Trọng, <i>Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , tài liệu lưu hành nội bộ. 2019
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. <i>Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , NXB Chính trị quốc gia, 2008. 2. Ngô Quang Ty, <i>Tập bài giảng Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i> , tài liệu lưu hành nội bộ. 2019

STT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
6.	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn ch.b, <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB Chính trị quốc gia, 2008. 2. ThS. Nguyễn Viết Tú, ThS. Nguyễn Thuận An, ThS. Chu Mạnh Hiền, ThS. Nguyễn Hữu Thành, <i>Tập bài giảng Pháp luật đại cương: tài liệu lưu hành nội bộ</i> . 2020
7.	Tiếng Anh giao tiếp 1	Christina Latham – Koenig, Olive Oxenden, Paul Seligson, <i>American English File book 2, second edition</i> , Oxford University Press, 2018.
8.	Tiếng Anh giao tiếp 2	Christina Latham – Koenig, Olive Oxenden, Paul Seligson, <i>American English File book 2, second edition</i> , Oxford University Press, 2018.
9.	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông	Trần Minh Tiến, Nguyễn Thành Phúc ch.b; Trần Tuyết Anh (biên dịch), <i>Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục</i> , NXB Bưu điện, 2019.
10.	Môi trường và con người	1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan, <i>Môi trường và con người</i> , NXB Giáo dục Việt Nam. 2. Trần Quốc Vượng, <i>Môi trường, con người và văn hóa</i> , NXB Văn hóa - Thông tin.
11.	Tinh thần khởi nghiệp	1. DAN SENOER, Saul Singer; Trí Vương dịch, <i>Quốc gia khởi nghiệp</i> , NXB Thế giới. 2018 2. Michael Morris, <i>Khởi nghiệp thành công</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2016
12.	Quản trị học	1. Vũ Lan Hương, <i>Quản lý sự thay đổi – Lý thuyết và thực hành</i> , NXB Giáo dục Việt Nam. 2020 2. Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thuỳ Trang, <i>Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức</i> , NXB Bách Khoa Hà Nội. 2022
13.	Văn hiến Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , NXB Giáo dục. 2016 2. Trần Diễm Thúy, <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , NXB Văn hóa thông tin, 2019.
14.	Các vấn đề xã hội đương đại	Mai Thị Nguyệt Nga, <i>Một số vấn đề xã hội học đương đại</i> , Tài liệu nội bộ của Trường Đại học Văn Hiến. 2015
15.	Phương pháp học đại học	1. Trần Thị Lợi, Phạm Thị Hương, <i>Tập bài giảng Phương pháp học đại học: tài liệu lưu hành nội bộ</i> . 2019 2. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB, Khoa học và kỹ thuật. 2016

STT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
16.	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	1. Trương Thị Thúy Hằng, <i>Tập bài giảng Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt</i> , tài liệu lưu hành nội bộ. 2020 2. Bùi Minh Toán ch.b; Lê A, Đỗ Việt Hùng, <i>Tiếng việt thực hành</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2018.
17.	Mỹ học đại cương	1. Đoàn Trọng Thiều, <i>TBG Mỹ học đại cương</i> , Tài liệu nội bộ của Trường Đại học Văn Hiến, 2019 2. Nguyễn Chương Nhiếp, <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB ĐH Sư Phạm -TP. HCM, 2020.
18.	Tâm lý học đại cương	1. Trần Tuấn Lộ, <i>Tâm lý học đại cương</i> , NXB Đại học quốc gia, 2016. 2. Phan Thị Kim Ngân, Phạm Văn Dinh, <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i> , NXB Hồng Đức, 2017.
19.	Giao tiếp đa văn hóa	Chu Văn Đức, <i>Giáo trình Kỹ năng giao tiếp</i> , NXB Hà Nội. 2005
20.	Kỹ năng hành chính văn phòng	Trần Huy Cường, <i>Bài giảng Kỹ năng Hành chính văn phòng</i> , 2021.
21.	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học xã hội	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i> , NXB Hồng Đức, 2008
22.	Chính sách xã hội	Nguyễn Tuấn Anh, <i>Giáo trình Chính sách xã hội</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.
23.	Nhập môn Công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai, <i>Giáo trình nhập môn Công tác xã hội</i> . NXB Lao động Xã hội, 2016
24.	Lịch sử xã hội học	Lê Ngọc Hùng, <i>Lịch sử và lý thuyết xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
25.	Phát triển cộng đồng	Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà, <i>Giáo trình Phát triển cộng đồng</i> , NXB Học Viện Nông Nghiệp, 2019.
26.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Nguyễn Xuân Nghĩa, <i>Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội</i> . NXB Thông tin và truyền thông, 2019.
27.	Nhập môn ngành xã hội học	Trần Hữu Quang, <i>Xã hội học nhập môn</i> , NXB Khoa học Xã hội, 2019.
28.	Phương pháp nghiên cứu định tính	Nguyễn Xuân Nghĩa, <i>Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội</i> . NXB Thông tin và truyền thông, 2019.
29.	Thực hành Phương pháp nghiên cứu định lượng	L. Therese Baker, <i>Thực hành nghiên cứu xã hội</i> , NXB Chính trị Quốc gia, 1998.
30.	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	Nguyễn Xuân Nghĩa, <i>Xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2019

STT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
31.	Thực hành Phương pháp nghiên cứu định tính	Nguyễn Xuân Nghĩa, <i>Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội</i> . NXB Thông tin và truyền thông, 2019.
32.	Xã hội học đô thị	Trịnh Duy Luân, <i>Xã hội học đô thị</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội. 2004
33.	Xã hội học báo chí	Trần Hữu Quang, <i>Xã hội học báo chí</i> , NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2012.
34.	Xã hội học Nông thôn	Bùi Quang Dũng, <i>Xã hội học nông thôn</i> , NXB Khoa học xã hội, 2007.
35.	Xã hội học gia đình	Marthine Segalen, <i>Xã hội học gia đình</i> , NXB Thế giới, 2014.
36.	Xã hội học về dư luận xã hội	Nguyễn Quý Thanh, <i>Xã hội học về dư luận xã hội</i> , NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2006.
37.	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	Dương Xuân Sơn – Đinh Văn Hương – Trần Quang, <i>Cơ sở lý luận báo chí truyền thông</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011
38.	Kỹ năng tác nghiệp phóng viên	Nguyễn Thị Minh Thái, <i>Kỹ năng Tác nghiệp Báo chí</i> , NXB Lao động, 2021.
39.	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	Nguyễn Hữu Hải, <i>Chính sách công</i> , NXB Chính trị Quốc gia, 2010.
40.	Quản lý dự án xã hội	Vũ Hào Quang, <i>Giáo trình Xã hội học Quản lý</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2017.
41.	Xã hội học tổ chức	Nguyễn Văn Thủ, <i>Những vấn đề cơ bản của Xã hội học tổ chức</i> . NXB Chính trị quốc gia, 2015.
42.	Xã hội học kinh tế	Lê Thị Mai, <i>Xã hội học kinh tế</i> . Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 2013.
43.	Khóa luận tốt nghiệp	Vũ Cao Đàm, <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Giáo dục, 2022
44.	Kỹ năng viết báo	Ngọc Trân, <i>Thuật viết và lách từ A đến Z</i> , NXB Văn hóa - Văn nghệ. TP. HCM, 2015.
45.	Xã hội học quản lý	Vũ Hào Quang, <i>Giáo trình Xã hội học Quản lý</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 2017
46.	Lý thuyết xã hội học	Lê Ngọc Hùng, <i>Lý thuyết XHH hiện đại</i> , NXB Đại Học Quốc Gia, 2013.
47.	Thực tập tốt nghiệp	Trần Hữu Quang, <i>Nhập môn Xã Hội Học</i> , NXB Khoa Học Xã Hội, 2019
48.	Trải nghiệm ngành nghề	Trần Hữu Quang, <i>Nhập môn Xã Hội Học</i> , NXB Khoa Học Xã Hội, 2019
49.	Xã hội học giáo dục	Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học giáo dục</i> , NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2015
50.	Xã hội học giới	Lê Thị Quý, <i>Giáo trình Xã hội học giới</i> , NXB Giáo Dục Việt Nam, 2009
51.	Xã hội học y tế	Hoàng Bá Thịnh, <i>Giáo trình xã hội học sức khỏe</i> , NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2015

STT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
52.	Xã hội học văn hóa	Mai Văn Hai, <i>Xã hội học Văn hóa</i> , NXB Khoa học Xã hội, 2018.

12.2. Tài liệu tham khảo:

STT	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
1.	Triết học Mác - Lênin	1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia. <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010. 2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia. <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do HĐLLTW biên soạn NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Một số chuyên đề lịch sử ĐCSVN Tập I, II, III, 2007, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
6.	Pháp luật đại cương	1. Đại học Luật Hà Nội (2006), giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật, NXB CAND. 2. Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội (2011), giáo trình Pháp luật đại cương, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
7.	Tiếng Anh giao tiếp 1	Jack C. Richards và Grant Trew (2011), <i>Tactics for listening- developing</i> , Oxford University Press.
8.	Tiếng Anh giao tiếp 2	Jack C. Richards và Grant Trew, <i>Tactics for listening- developing</i> , Oxford University Press 2011.
9.	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông	1. Nguyễn Hữu Tiến, Trương Cẩm Hồng, <i>Các giải pháp kỹ thuật bảo mật máy tính và bảo vệ tính riêng tư</i> , NXB Thống Kê, 2006. 2. Trịnh Minh Tuấn, <i>Giáo trình thiết kế cơ sở dữ liệu</i> , NXB Đại học Quốc Gia, 2007.

STT	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
10.	Môi trường và con người	1. Lâm Minh Triết – Huỳnh Thị Minh Hằng, Con người và môi trường, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
11.	Tinh thần khởi nghiệp	1. Jeremy Harbour (2015), <i>Khởi nghiệp ngay. Dành cho những ai khát khao trở thành chủ doanh nghiệp</i> . Bản dịch: Nguyễn Tư Thắng. Tái bản lần 1. Nxb Thanh Hóa. 2. Dan Senor & Saul Singer (2013), <i>Quốc gia Khởi nghiệp. Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel</i> . Bản dịch: Trí Vương. Nxb Thế Giới.
12.	Văn hiến Việt Nam	Ngô Đức Thịnh (2004) Văn hóa vùng&Phân vùng văn hóa ở Việt Nam; NXB Trẻ Tp.HCM.
13.	Các vấn đề xã hội đương đại	1. Mai Huy Bích (2012), Xã hội học Gia đình, NXB Khoa học xã hội. 2. Bùi Thế Cường, Nguyễn Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa dịch, Từ điển Xã hội học Oxford, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012 3. Vũ Tuấn Huy (chủ biên), Xu hướng gia đình ngày nay, NXB Khoa học xã hội, 2004.
14.	Phương pháp học đại học	1. Andrew Roberts, <i>Cẩm nang học đại học</i> , NXB Hồng Đức, 2013. 2. Carmine Gallo, <i>Bí quyết thuyết trình của Steve Jobs</i> , NXB Tổng hợp TP.HCM, 2011. 3. Vũ Cao Đàm, <i>Giáo trình phương pháp luận NCKH</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
15.	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	1. Nguyễn Thị Ly Kha, Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007. 2. Trần Ngọc Thêm, Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt, Giáo dục, TP.HCM, 2006. 3. Bùi Minh Toán- Lê A - Đỗ Việt Hùng, Tiếng Việt thực hành, Giáo dục, Hà Nội, 1998.
16.	Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà ch.b; Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương, <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB Văn hóa thông tin, 1994.
17.	Tâm lý học đại cương	- Trần Tuấn Lộ, <i>Tâm lý học đại cương</i> , NXB Đại học quốc gia, 2016. - Phan Thị Kim Ngân, Phạm Văn Dinh, <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i> , NXB Hồng Đức, 2017.

STT	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
18.	Giao tiếp đa văn hóa	Trần Thị Thu Hà, <i>Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh du lịch</i> , NXB Hà Nội, 2006.
19.	Kỹ năng hành chính văn phòng	Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Thống kê, 2009 Nguyễn Hữu Thân, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Thống kê, Hà Nội, 2003. Nguyễn Hữu Thân, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2012. Luật sư Vũ Đình Quyền, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Thống kê, 2005. <i>Nghị định số: 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư</i>, ngày 05 tháng 02 năm 2020.
20.	Trải nghiệm ngành, nghề	Học phần thực hành
21.	Nhập môn ngành Xã hội học	Nguyễn Xuân Nghĩa, Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TPHCM, 2014.
22.	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	Học phần thực hành
23.	Chính sách xã hội	Vũ Thành Tuấn, Chính sách xã hội, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2019.
24.	Nhập môn công tác xã hội	- Bùi Thị Xuân Mai, Nhập môn công tác xã hội, NXB Lao động xã hội, 2020
25.	Phát triển cộng đồng	Trần Quốc Bảo, Phát triển cộng đồng: Lý thuyết và thực tiễn," Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2020.
26.	Lịch sử xã hội học	Nguyễn Đức Minh, Lịch sử xã hội học, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
27.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Trương Quang Bình, Phương pháp nghiên cứu xã hội học, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2020.
28.	Phương pháp nghiên cứu định tính	Bachman, R., & Schutt, R. K. (2019). The Practice of Research in Social Work. SAGE Publications.
29.	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	Andy Field, <i>Discovering Statistics Using IBM SPSS Statistics</i> , SAGE Publications, 2021.
30.	Xã hội học gia đình	Nguyễn Xuân Nghĩa, Xã hội học gia đình, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
31.	Xã hội học y tế	Nguyễn Thị Thu Hà, <i>Đề xuất mô hình đánh giá hiệu quả truyền thông dịch vụ cho các cơ sở y tế ở Việt Nam</i> , Tạp chí Công Thương, Năm 2022
32.	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	Phạm Hồng Sơn, Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông, Nhà xuất bản Thời đại, 2020.
33.	Báo in và báo trực tuyến	Đào Văn Phú, Báo chí và truyền thông, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2015.

STT	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
34.	Kỹ năng viết báo	Trần Thị Mai, Kỹ thuật viết báo và viết bài báo chí, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2019.
35.	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	Đoàn Trọng, Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên: Từ lý thuyết đến thực hành, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2018.
36.	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	Trần Phương Thảo, Nghiệp vụ biên tập và xuất bản: Nguyên tắc và thực hành, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2020.
37.	Xã hội học báo chí	Trần Hữu Quang, Xã hội học báo chí, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
38.	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	Nguyễn Hồng Sơn, Chính sách công: Lý thuyết và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2018.
39.	Xã hội học đô thị	Lê Thành Nam, Xã hội học đô thị: Vấn đề và thách thức trong thời đại hiện đại, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2021.
40.	Quản lý dự án xã hội	Từ Quang Phương, Giáo trình Quản lý dự án, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2014.
41.	Xã hội học nông thôn	Bùi Quang Dũng, Xã hội học nông thôn, Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2017.
42.	Xã hội học quản lý	Lê Ngọc Hùng, Xã hội học quản lý, Nhà xuất bản Thống Kê, 2019.
43.	Xã hội học tổ chức	Nguyễn Văn Thủ và Nguyễn Thị Vân Hạnh, Xã hội học tổ chức, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.
44.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần thực tập
45.	Xã hội học kinh tế	Lê Ngọc Hùng, Xã hội học kinh tế, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2018.
46.	Xã hội học văn hóa	Mai Văn Hai và Mai Kiệm, Xã hội học văn hóa, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.
47.	Xã hội học giáo dục	Mạc Văn Trang, Xã hội học giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục, 2020.
48.	Xã hội học giới	Hoàng Bá Thịnh, Xã hội học giới, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.

Thời điểm điều chỉnh: tháng 2 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

**BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC**

Ngành đào tạo: Xã hội học; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7310301

Bộ môn quản lý chương trình: Xã hội học

Tên cơ sở đào tạo, quốc gia	Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Kiến thức không tích lũy		Tổng TC
	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	
University of Chicago, United States	30	25%	90	75%	16	13,3%	120
The University of Tokyo (Todai), Japan	34	27%	92	73%	13	10,3%	126
National University of Singapore (NUS), Singapore	26	23,6%	84	76,4%	20	18,8%	110
Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Việt Nam	36	26,9%	98	73,1%	10	7,4%	134
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	28	23,2%	93	76,8%	11	9,1%	121
Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam	42	30%	98	70%	26	18,6%	140
Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam	50	37,3%	84	62,7%	11	8,2%	134

BẢNG ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

Ngành đào tạo: Xã hội học; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7310301

Bộ môn quản lý chương trình: Xã hội học

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
KIẾN THỨC		
1.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	PLO 3.1: Ứng dụng các kiến thức chuyên ngành xã hội học vào thực tế nghề nghiệp để thực hiện các công việc thường quy như lập kế hoạch, giám sát, lượng giá, báo cáo. PLO 3.2: Áp dụng được các kỹ năng của ngành xã hội học như: nhận diện được hiện trạng, hiện tượng liên quan đến hành vi cá nhân, nhóm...Thực hiện được các kế hoạch, dự án phát triển cộng đồng, vận động chính sách. PLO 3.3: Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu Xã hội học như: phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và viết báo cáo. Từ đó, đưa ra các giải pháp, đề xuất đối với cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hành chính mà mình làm việc. PLO 3.4: Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ trong cộng đồng, bệnh viện... Thực hiện công tác tư vấn, tham vấn, hỗ trợ đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng, bệnh viện... PLO 3.5: Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ cho các Trung tâm bảo trợ xã hội, cộng đồng xã hội. Liên kết giữa

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong vận động chính sách cho trung tâm xã hội và cộng đồng xã hội. Vận động chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội. PLO 4.1: Đánh giá các vấn đề xã hội từ góc độ mối quan hệ xã hội, cấu trúc xã hội, định chế xã hội, thực hành văn hóa, bất bình đẳng xã hội và quá trình xã hội hóa. PLO 4.2: Phân tích các vấn đề xã hội học chuyên sâu trong các lĩnh vực như đô thị, nông thôn, gia đình, lối sống, giới, tội phạm, phát triển và truyền thông đại chúng. PLO 4.3: Đề xuất được các giải pháp cho các vấn đề xã hội từ yêu cầu thực tế của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ. PLO 5.1: Hiểu được mô hình hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông và vai trò, nhiệm vụ của các cá nhân trong tổ chức hoạt động đó. PLO 5.2: Thể hiện sự hiểu biết về các khái niệm và học thuyết cơ bản về vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội, chức năng cơ bản của truyền thông báo chí, các nguyên tắc về đạo đức báo chí, truyền thông... PLO 5.3: Thực hiện được việc tạo ra một sản phẩm báo chí và thiết kế ấn phẩm báo chí. PLO 5.4: Đánh giá được hiệu quả tác động của sản phẩm báo chí đối với xã hội khi đăng tải trên các phương tiện truyền thông. PLO 6.1: Có thể liên kết được các kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về xã hội học đã học để thực hiện công việc quản trị nhân sự, có năng lực tư duy tổng hợp và biết phân tích một số vấn đề xã hội, sự kiện xã hội;

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		PLO 6.2: Vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành xã hội học và những quy định hành chính văn phòng trong việc tiếp nhận và tạo lập các loại văn bản hành chính. PLO 6.3: Có khả năng tổ chức và điều hành một cuộc họp nhóm lớn, vừa và nhỏ; Biết cách xử lý một xung đột nhóm. PLO 6.4: Có kiến thức nền tảng về xã hội học để có thể đánh giá xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội, một vấn đề xã hội; Có năng lực sáng tạo, phát triển và thích ứng cao với môi trường nghề nghiệp luôn luôn biến đổi. PLO 6.5: Vận dụng tốt các phương pháp định tính và định lượng để thu thập và xử lý thông tin; Biết cách trình bày kết quả nghiên cứu một cách khoa học và biết ứng dụng kết quả nghiên cứu trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp để hỗ trợ tốt cho nơi làm việc trong việc tuyển chọn, phân công, điều động, đề xuất các biện pháp bồi dưỡng chuyên môn và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động tại nơi làm việc. PLO 6.6: Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức dưới góc nhìn liên ngành giữa xã hội học và kinh tế, quản lý, quản trị nguồn nhân lực và lao động. PLO 6.7: Phân tích nguyên tắc và cách thực hiện quản trị hành chính văn phòng, quản trị doanh nghiệp và nhân sự. PLO 6.8: Đề xuất những thay đổi trong chính sách, tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức.
2.	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	PLO 1.1: Trình bày được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam trong đời sống xã hội. PLO 1.2: Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		PLO 1.3: Vận dụng được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam, phương pháp luận triết học – phép biện chứng duy vật vào đời sống thực tiễn xã hội hiện nay. PLO 2.1: Trình bày được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, chính trị...có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập. PLO 2.2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, chính trị...có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học trong quá trình học các học phần chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường. PLO 2.3: Phân tích các vấn đề xã hội trên cơ sở các yếu tố như tâm lý, lịch sử cá nhân và cộng đồng, gia đình, giáo dục, văn hóa, tôn giáo, kinh tế, chính trị. PLO 2.4: Đánh giá sự ảnh hưởng của các vấn đề xã hội đến đời sống người dân.
3.	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PLO 2.5: Sử dụng được các công cụ thống kê xã hội phân tích các vấn đề xã hội. PLO 9.1 Sử dụng thành thạo tin học văn phòng. PLO 9.2 Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý dữ liệu định tính và định lượng. PLO 9.3 Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý trong tổ chức.
4.	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	PLO 3.1: Ứng dụng các kiến thức chuyên ngành xã hội học vào thực tế nghề nghiệp để thực hiện các công việc thường quy như lập kế hoạch, giám sát, lượng giá, báo cáo.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		PLO 3.2: Áp dụng được các kỹ năng của ngành xã hội học như: nhận diện được hiện trạng, hiện tượng liên quan đến hành vi cá nhân, nhóm...Thực hiện được các kế hoạch, dự án phát triển cộng đồng, vận động chính sách. PLO 3.3: Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu Xã hội học như: phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và viết báo cáo. Từ đó, đưa ra các giải pháp, đề xuất đối với cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hành chính mà mình làm việc. PLO 3.4: Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ trong cộng đồng, bệnh viện... Thực hiện công tác tư vấn, tham vấn, hỗ trợ đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng, bệnh viện... PLO 3.5: Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ cho các Trung tâm bảo trợ xã hội, cộng đồng xã hội. Liên kết giữa nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong vận động chính sách cho trung tâm xã hội và cộng đồng xã hội. Vận động chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội.
5.	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	PLO 3.1: Ứng dụng các kiến thức chuyên ngành xã hội học vào thực tế nghề nghiệp để thực hiện các công việc thường quy như lập kế hoạch, giám sát, lượng giá, báo cáo. PLO 3.2: Áp dụng được các kỹ năng của ngành xã hội học như: nhận diện được hiện trạng, hiện tượng liên quan đến hành vi cá nhân, nhóm...Thực hiện được các kế hoạch, dự án phát triển cộng đồng, vận động chính sách. PLO 3.3: Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu Xã hội học như: phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và viết báo cáo. Từ đó, đưa ra các giải pháp, đề xuất đối với cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hành chính mà mình làm việc.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		PLO 3.4: Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ trong cộng đồng, bệnh viện... Thực hiện công tác tư vấn, tham vấn, hỗ trợ đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng, bệnh viện... PLO 3.5: Áp dụng các kỹ năng lập dự án, triển khai và thực hiện các dự án phi chính phủ cho các Trung tâm bảo trợ xã hội, cộng đồng xã hội. Liên kết giữa nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong vận động chính sách cho trung tâm xã hội và cộng đồng xã hội. Vận động chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội.
KỸ NĂNG		
6.	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	PLO 7.3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá, xác định nhu cầu tại các đơn vị hành chính nhà nước, tư vấn chính sách. PLO 7.4: Có kỹ năng xây dựng ý tưởng cho các dự án, huy động nguồn lực, đánh giá dự án xã hội.
7.	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	PLO 11.2: Có khả năng tự đổi mới và tinh thần khởi nghiệp. PLO 11.3: Có khả năng học hỏi và phát triển bản thân. PLO 11.5: Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.
8.	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	PLO 8.1: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản. PLO 8.2: Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa. PLO 8.4: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập. PLO 10.1: Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm.
9.	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	PLO 8.1: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản. PLO 8.2: Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		PLO 8.4: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập. PLO 10.1: Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm. PLO 11.4: Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp
10.	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	PLO 8.1: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản. PLO 8.2: Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa. PLO 8.4: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập. PLO 10.1: Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm. PLO 10.2: Hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian, phối hợp tốt. PLO 10.3: Ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.
11.	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	PLO 8.3: Sử dụng tiếng Anh khung trình độ quốc gia B1, giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan.
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
12.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PLO 6.3: Có khả năng tổ chức và điều hành một cuộc họp nhóm lớn, vừa và nhỏ; Biết cách xử lý một xung đột nhóm. PLO 10.1: Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm. PLO 10.2: Hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian, phối hợp tốt. PLO 10.3: Ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.
13.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	PLO 11.1: Có khả năng quản lý công việc bản thân và công việc người khác.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
14.	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO 11.1: Có khả năng quản lý công việc bản thân và công việc người khác. PLO 11.2: Có khả năng tự đổi mới và tinh thần khởi nghiệp. PLO 11.3: Có khả năng học hỏi và phát triển bản thân. PLO 11.4: Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp PLO 11.5: Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.
15.	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PLO 6.3: Có khả năng tổ chức và điều hành một cuộc họp nhóm lớn, vừa và nhỏ; Biết cách xử lý một xung đột nhóm. PLO 11.1: Có khả năng quản lý công việc bản thân và công việc người khác.

BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT HIỆN HÀNH VÀ CTĐT SAU RÀ SOÁT, CẢI TIẾN

Ngành đào tạo: Xã hội học; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7310301

Bộ môn quản lý chương trình: Xã hội học

STT	Tên học phần CTĐT hiện hành	Số tín chỉ	Nội dung thay đổi/ thay thế ¹ trong CTĐT mới	Lý do thay đổi/thay thế	Ghi chú
1			Xã hội học y tế (2 tín chỉ)	Thêm vào 02 tín chỉ cho đủ 136 tín chỉ theo yêu cầu của Nhà trường	
	Tổng số tín chỉ cập nhật, thay thế	02			
	Tổng số tín chỉ của CTĐT sau rà soát	136			
	Tỷ lệ cập nhật, thay thế	1.47%			

¹ Có thể thay đổi số tín chỉ học phần hoặc thay đổi/thay thế sang học phần khác hoặc bỏ, không còn trong CTĐT mới.

DANH SÁCH PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Ngành đào tạo: Xã hội học; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7310301

Bộ môn quản lý chương trình: Xã hội học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
1.	POL105	Triết học Mác - Lênin	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Huỳnh Văn Giàu ThS. Đoàn Thị Huế	GVCH
2.	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K.KTQT	Kinh tế	TS. Nguyễn Hữu Vượng ThS. Huỳnh Văn Giàu	GVCH
3.	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	TS. Nguyễn Hữu Vượng TS. Dương Đức Hưng	GVCH
4.	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng ThS. Ngô Quang Ty	GVCH
5.	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng ThS. Ngô Quang Ty	GVCH
6.	LAW101	Pháp luật đại cương	K.KTTC	Luật	ThS. Huỳnh Văn Giàu ThS. Đoàn Thị Huế	GVCH
7.	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	K.NN	Ngôn ngữ Anh	ThS. Đỗ Thị Bích Thủy ThS. Ngô Tấn Hiệp	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
8.	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	K.NN	Ngôn ngữ Anh	ThS. Đỗ Thị Bích Thủy ThS. Ngô Tấn Hiệp	GVCH
9.	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	K.CNTT	Công nghệ thông tin	ThS. Huỳnh Thị Châu Ái ThS. Đỗ Đình Trang	GVCH
10.	NAS101	Môi trường con người	K.DL	Bổ sung sau	ThS. Nguyễn Duy Hải TS. Phạm Thị Thanh Hòa	GVCH
11.	NAS203	Thống kê ứng dụng	K.KTQT	Quản trị	PGS. TS. Nguyễn Minh Đức TS. Lưu Hoàng Giang	GVCH
12.	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	K.KTTC	Bổ sung sau	TS. Trần Anh Dũng ThS. Nguyễn Đức Hải	GVCH
13.	MAN201	Quản trị học	K.KTQT	Quản trị	TS. Lưu Hoàng Giang ThS. Nguyễn Đức Hải	GVCH
14.	SOS102	Văn hiến Việt Nam	K.DL	Bổ sung sau	ThS Nguyễn Thành Đạo ThS Lê Thị Ngọc Thúy	GVCH
15.	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	K.KHXX&NV	Xã hội học	ThS Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Đỗ Tùng	GVCH
16.	SKL101	Phương pháp học đại học	K.KHXX&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn A Say ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	GVCH
17.	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	K.KHXX&NV	Văn học	ThS. Huỳnh Thị Mai Trinh ThS. Trương Thị Thúy Hằng	GVCH
18.	PSY201	Tâm lý học đại cương	K.KHXX&NV	Tâm lý học	ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy ThS. Phạm Thị Hồng Thái	GVCH
19.	SOS206	Mỹ học đại cương	K.KHXX&NV	Văn học	TS. Đoàn Trọng Thiều ThS. Huỳnh Thị Mai Trinh	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
20.	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	K.DL	Bổ sung sau	ThS. Nguyễn Thành Đạo ThS. Lê Thị Ngọc Thúy	GVCH
21.	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	K.KHXXH&NV	Văn học	ThS. Trần Huy Cường ThS. Nguyễn Minh Xuân Hương	GVCH
22.	SOC305	Nhập môn ngành Xã hội học	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Duy Hải ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	GVCH
23.	SOC312	Trải nghiệm ngành, nghề	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Minh Giang ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	GVCH
24.	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Tất Thành ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	GVCH
25.	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	K.KHXXH&NV	Bổ sung sau	TS. Nguyễn Thành Đạo TS. Phạm Quốc Hưng	GVCH
26.	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	K.NN	Bổ sung sau	PGS. TS. Lê Khắc Cường TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	GVCH
27.	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	K.KHXXH&NV	Bổ sung sau	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn A Say	GVCH
28.	SOS304	Hội nhập châu Á – Thái Bình Dương	K.KHXXH&NV	Bổ sung sau	ThS. Nguyễn Hồng Nhung ThS. Phan Thị Hải Yến	GVCH
29.	SOS305	Quan hệ quốc tế	K.KHXXH&NV	Bổ sung sau	TS. Phạm Thị Yên ThS. Phan Thị Hải Yến	GVCH
30.	BUS417	Hành vi tổ chức	K.KTQT	Bổ sung sau	TS. Phạm Phương Mai ThS. Trần Hữu Ái	GVCH
31.	CUL301	Ngoại giao văn hóa	K.NN	Bổ sung sau	ThS. Phan Thị Hải Yến ThS. Nguyễn Hồng Nhung	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
32.	SOC302	Lịch sử xã hội học	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Ngô Văn Huân ThS. Hà Thúc Dũng	GVCH
33.	SOC303	Lý thuyết xã hội học	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Ngô Văn Huân ThS. Hà Thúc Dũng	GVCH
34.	SOC301	Chính sách xã hội	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Lê Thị Chi TS. Lê Thị Hoàng Liễu	GVCH
35.	SOC304	Nhập môn Công tác xã hội	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Thanh Tùng ThS. Lê Anh Vũ	GVCH
36.	SOC306	Phát triển cộng đồng	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Lê Anh Vũ ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích	GVCH
37.	SOC307	Phương pháp nghiên cứu định lượng	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Duy Hải	GVCH
38.	SOC310	TH phương pháp nghiên cứu định lượng	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Duy Hải	GVCH
39.	SOC308	Phương pháp nghiên cứu định tính	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Đỗ Tùng	GVCH
40.	SOC311	TH phương pháp nghiên cứu định tính	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Đỗ Tùng	GVCH
41.	SOC314	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học xã hội	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Duy Hải ThS. Đào Quang Bình	GVCH
42.	SOC428	Xã hội học đô thị	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Ngô Văn Huân TS. Văn Thị Ngọc Lan	GVCH
43.	SOC434	Xã hội học nông thôn	K.KHXXH&NV	Xã hội học	TS. Lê Thị Hoàng Liễu PGS.TS. Trần Thị Kim Xuyên	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
44.	SOC429	Xã hội học gia đình	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy PGS.TS. Trần Thị Kim Xuyên	GVCH
45.	CẤP MÃ	Xã hội học y tế	K.KHXXH&NV	Xã hội học	TS. Lê Thị Hoàng Liễu TS. Nguyễn Thị Nhung	GVCH
46.	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	K.KHXXH&NV	Văn học	ThS. Nguyễn Thị Lợi ThS. Nguyễn Đỗ Đoàn Hạnh	GVCH
47.	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Hồ Xuân Mai ThS. Nguyễn Thị Hồng Chi	GVCH
48.	SOC417	Kỹ năng viết báo	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Hồ Xuân Mai ThS. Phạm Thị Hương	GVCH
49.	LIT430	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	K.KHXXH&NV	Văn học	ThS. Hồ Xuân Hương ThS. Nguyễn Thị Minh Thủy	GVCH
50.	LIT455	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	K.KHXXH&NV	Văn học	TS. Hồ Xuân Mai ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	GVCH
51.	SOC426	Xã hội học báo chí	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Thị Minh Giang	GVCH
52.	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	K.KHXXH&NV	Xã hội học	TS. Phạm Quốc Hưng ThS. Ngô Văn Huân	GVCH
53.	SOS309	Quản lý dự án xã hội	K.KHXXH&NV	Tâm lý học	TS. Phạm Quốc Hưng ThS. Ngô Văn Huân	GVCH
54.	SOC436	Xã hội học quản lý	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Tất Thành TS. Nguyễn Quế Diệu	GVCH
55.	SOC456	Xã hội học tổ chức	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Ngô Văn Huân ThS. Nguyễn Đỗ Tùng	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
56.	SOC542	TTTN Xã hội học	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Thị Minh Giang	GVCH
57.	SOC543	KLTN Xã hội học	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Đỗ Tùng	GVCH
58.	SOC432	Xã hội học kinh tế	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Tất Thành ThS. Nguyễn Đỗ Tùng	GVCH
59.	SOC543	Xã hội học văn hóa	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Bùi Thị Phương Hạ TS. Lê Thị Hoàng Liễu	GVCH GVTG
60.	SOC439	Xã hội học giáo dục	K.KHXXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy PGS.TS. Trần Thị Kim Xuyên	GVCH
61.	SOC440	Xã hội học giới	K.KHXXH&NV	Xã hội học	TS. Lê Thị Hoàng Liễu ThS. Nguyễn Thị Minh Giang	GVCH GVTG

XÁC NHẬN CỦA BAN CHỦ NHIỆM KHOA



Ngày: ____/____/____